

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 7

TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TUẤN

TỔ: MĨ THUẬT- ÂM NHẠC- THỂ DỤC

## **PHIẾU HỌC TẬP**

**NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**MÔN ÂM NHẠC LỚP 7**

**Tuần 7,8 : từ 18/10 – 30/10/2021**

*Nội dung ghi vào tập :*

### **I ÔN TẬP**

#### **Tiết 7**

##### **1 Bài hát:**

- Mái Trường Mến Yêu
- Lí Cây Đa

##### **2 Tập đọc nhạc**

- TĐN số 1
- TĐN Số 2

### **II KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

### **Hướng dẫn ôn tập:**

**Học sinh tập hát và tập đọc nhạc các bài:**

- Mái Trường Mến Yêu
- Lí Cây Đa
- TĐN số 1
- TĐN Số 2

## **Hướng dẫn kiểm tra**

**Học sinh chọn chọn một trong 4 bài trong nội dung ôn tập ghi âm và gửi về địa chỉ sau:**

<https://drive.google.com/drive/folders/1WxIk5OCoDLw2VorrBledls5iw-eVNLkfH?usp=sharing>

**Lưu ý: học sinh ghi tên file ghi âm: Lớp- họ và tên-bài hát hoặc TĐN mình chọn.**

**Dặn dò:**

**Hát đúng giai điệu bài hát đọc đúng tên và cao độ nốt nhạc**

*CHÚC CÁC EM VUI, KHỎE, HỌC TỐT NHÉ!*

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**  
**(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)**

**1. Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp</b>	<b>CHỦ ĐỀ: PHÂN BÓN</b> <b>BÀI 9: CÁCH SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN CÁC LOẠI PHÂN BÓN THÔNG THƯỜNG</b>
<b>Hoạt động</b> <b>1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</b>	<p>- Tài liệu: Sách giáo khoa Công nghệ 7 trang 20, 21, 22.</p> <p>- Nội dung chủ đề (Bài học): <i>(Em hãy đọc bài và gạch chân những nội dung chính nói về cách bón lót, bón thúc; cách sử dụng các loại phân loại phân bón thông thường; cách bảo quản các loại phân bón thông thường).</i></p> <p><b><u>I. CÁCH BÓN PHÂN</u></b></p> <p>Bón phân để cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Căn cứ vào thời kỳ bón, người ta chia ra: bón lót và bón thúc.</li></ul> <p>+ Bón lót là bón phân vào đất trước khi gieo trồng. Bón lót nhằm cung cấp chất dinh dưỡng cho cây con ngay khi nó mới mọc, mới bén rễ.</p> <p>+ Bón thúc là bón phân trong thời gian sinh trưởng của cây. Bón thúc nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu dinh dưỡng của cây trong từng thời kì, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng, phát triển tốt.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Căn cứ vào hình thức bón người ta chia thành các cách: bón vãi (rải), bón theo hàng, theo hốc hoặc phun trên lá. Mỗi một cách bón đều có ưu, nhược điểm riêng. <i>Quan sát hình vẽ 7, 8, 9, 10, em hãy ghi tên của các cách bón phân và ưu, nhược điểm của từng cách bón vào bảng bên dưới:</i></li></ul> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Cây dễ sử dụng</li><li>2. Phân bón không bị chuyển thành chất khó tan do không tiếp xúc với đất.</li><li>3. Phân bón có thể bị chuyển thành chất khó tan do có tiếp xúc với đất.</li><li>4. Phân bón dễ bị chuyển thành chất khó tan do tiếp xúc nhiều với đất.</li><li>5. Tiết kiệm phân bón.</li><li>6. Dễ thực hiện, cần ít công lao động.</li><li>7. Chỉ bón được lượng nhỏ phân bón.</li><li>8. Cần có dụng cụ, máy móc phức tạp.</li></ol>

9. Chỉ cần dụng cụ đơn giản.



Hình 7



Hình 8



Hình 9



Hình 10

Hình thức bón	Ưu điểm	Nhược điểm
Hình 7	.....	.....
.....	.....	.....
...	.....	.....
.....	.....	.....
...	.....	.....
.....	.....	.....
Hình 8	.....	.....
.....	.....	.....
...	.....	.....
.....	.....	.....
...	.....	.....
.....	.....	.....
Hình 9	.....	.....

..... ... ..... ...	..... ..... ..... ..... .....	..... ..... ..... ..... .....
Hình 10	..... ..... ..... ..... .....	..... ..... ..... ..... .....

## **II. CÁCH SỬ DỤNG CÁC LOẠI PHÂN BÓN THÔNG THƯỜNG**

*Dựa vào đặc điểm của từng loại phân bón cho trong bảng dưới đây, em hãy điền vào cột 3 cách sử dụng chủ yếu đối với chúng.*

Loại phân bón	Đặc điểm chủ yếu	Cách sử dụng chủ yếu: Bón lót? Bón thúc?
-Phân hữu cơ.	Thành phần có nhiều chất dinh dưỡng. các chất dinh dưỡng thường ở dạng khó tiêu (không hòa tan), cây không sử dụng được ngay, phải có thời gian để phân phân hủy thành các chất hòa tan cây mới sử dụng được.	..... . ..... ... ..... .
-Phân đạm, kali và phân hỗn hợp	Có tỉ lệ dinh dưỡng cao, dễ hòa tan nên cây sử dụng được ngay.	..... ... ..... .
-Phân lân	Ít hoặc không hòa tan.	..... ... ..... . ..... ... ..... .

### **III. BẢO QUẢN CÁC LOẠI PHÂN BÓN THÔNG THƯỜNG**

- Đối với các loại phân hóa học, để đảm bảo chất lượng cần phải bảo quản tốt bằng các biện pháp sau:

+ Đựng trong chum, vại sành đậy kín hoặc bao gói bằng bao ni lông.

+ Để nơi cao ráo, thoáng mát.

+ Không để lẫn lộn các loại phân bón với nhau.

-Phân chuồng có thể bảo quản tại chuồng nuôi hoặc lấy ra ủ thành đống, dùng bùn ao trát kín bên ngoài.

**Hoạt động**  
**2: Kiểm tra,**  
**đánh giá quá**  
**trình tự học.**

**- Em hãy chọn và khoanh tròn vào phương án đúng trong các câu sau:**

**Câu 1:** Bón thúc là cách bón:

A. Bón 1 lần

B. Bón trước khi gieo trồng

C. Bón nhiều lần

D. Bón trong quá trình sinh trưởng của cây

**Câu 2:** Bón phân cho cây ngô (bắp) thường sử dụng hình thức bón nào?

A. Bón theo hốc

B. Bón theo hàng

C. Bón vãi

D. Phun lên lá

**Câu 3:** Phân đạm bảo quản bằng cách:

A. Phơi ngoài nắng thường xuyên

B. Để nơi khô ráo

C. Đậy kín, để đâu cũng được

D. Đậy kín, để nơi khô ráo thoáng mát.

**Câu 4:** Phân chuồng không bảo quản bằng cách nào?

A. Đựng trong chum, vại

B. Bảo quản tại chuồng nuôi

C. Ủ thành đống, lấy bùn ao trát bên ngoài

D. Cả B và C đều đúng

**- Em hãy chọn các từ, cụm từ sau để điền vào chỗ trống cho thích hợp: Bón thúc; đạm, kali; cách bón; phân bón; hữu cơ; bón lót**

Bón phân đúng cách là một yếu tố rất quan trọng trong trồng trọt. Cây trồng từ khi chuẩn bị gieo, trồng đến khi thu hoạch có hai thời kì bón phân là ..... và ..... Tùy vào từng loại cây trồng và nhu cầu dinh dưỡng của từng thời kì mà chọn loại ..... và ..... cho phù hợp. Phân ..... chủ yếu dùng để bón lót. Phân dùng để bón thúc chủ yếu là .....

**- Em hãy trả lời các câu hỏi sau:**

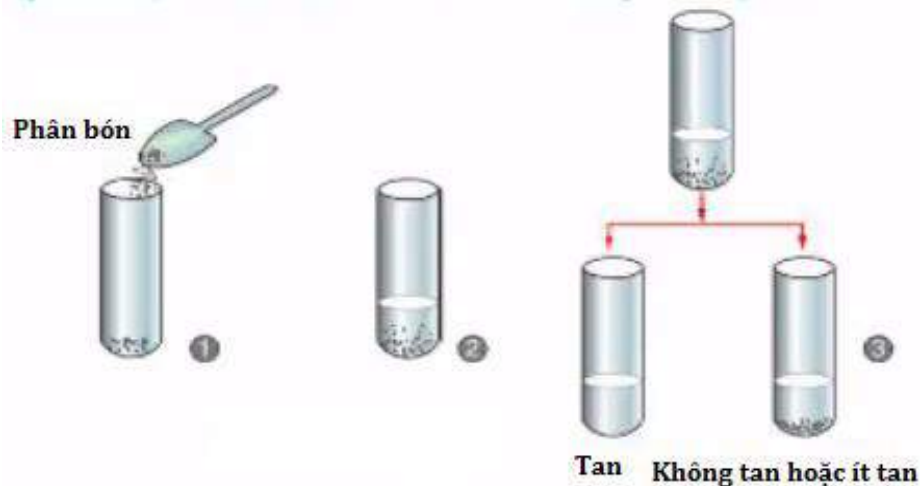
**1) Phân hữu cơ thừng dùng để bón lót hay bón thúc? Vì sao?**



**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**  
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

**1. Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp</b>	<b>CHỦ ĐỀ: PHÂN BÓN</b> <b>BÀI 8: Thực hành – NHẬN BIẾT MỘT SỐ LOẠI PHÂN HÓA HỌC THÔNG THƯỜNG</b>
<b>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</b>	<p>- Tài liệu: Sách giáo khoa Công nghệ 7 trang 18, 19.</p> <p>- Nội dung chủ đề (Bài học): (<i>Yêu cầu: Em hãy đọc bài và gạch chân những nội dung nói về cách để nhận biết được một số loại phân hóa học thông thường. Lưu ý: Học sinh đọc để nắm được cách nhận biết một số loại phân hóa học thông thường, không yêu cầu học sinh làm thực hành ở nhà.</i>)</p> <p><b><u>I.VẬT LIỆU VÀ DỤNG CỤ CẦN THIẾT</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Mẫu phân hóa học thường dùng trong nông nghiệp.</li><li>- Ống nghiệm thủy tinh hoặc cốc thủy tinh loại nhỏ</li><li>- Đèn cồn, than củi (nếu có)</li><li>- Thìa nhỏ kim loại</li><li>- Diêm hoặc bật lửa</li><li>- Nước sạch.</li></ul> <p><b><u>II.QUY TRÌNH THỰC HÀNH</u></b></p> <p><b>1.Phân biệt nhóm phân bón hòa tan và nhóm ít hoặc không hòa tan.</b></p>



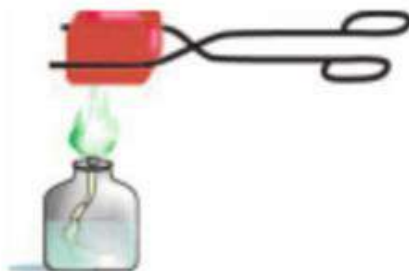
**Bước 1:** Lấy một lượng phân bón bằng hạt ngô (bắp) cho vào ống nghiệm.

**Bước 2:** Cho 10 đến 15ml nước sạch vào và lắc mạnh trong 1 phút.

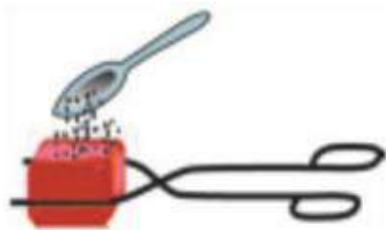
**Bước 3:** Để lắng 1 đến 2 phút. Quan sát mức độ hòa tan.

- Nếu thấy hòa tan: đó là phân đạm và phân kali.
- Không hoặc ít hòa tan: đó là phân lân và vôi.

## 2. Phân biệt trong nhóm phân bón hòa tan: Phân đạm và phân kali



**Bước 1:** Đốt cục than củi trên đèn cồn đến khi nóng đỏ hoặc để chiếc muỗng (kim loại) hơ trên ngọn lửa



**Bước 2:** Lấy một ít phân bón khô rắc cục than củi đã nóng đỏ hoặc lên chiếc muỗng đã nóng.

- *Nếu có mùi khai* (mùi của amôniac) đó là phân đạm.
- *Nếu không có mùi khai* đó là phân kali.

## 3. Phân biệt nhóm phân bón ít hoặc không hòa tan: Phân lân và vôi

	<p>- Nếu phân bón có màu nâu, nâu sẫm hoặc trắng xám như xi măng, đó là phân lân.</p> <p>- Nếu phân bón có màu trắng, dạng bột, đó là vôi.</p>										
<p><b>Hoạt động 2:</b> <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></p>	<p><b>- Em hãy chọn và khoanh tròn vào phương án đúng trong các câu sau</b></p> <p><b><u>Câu 1:</u></b> Đốt cục than củi trên đèn cồn đến khi nóng đỏ hoặc dùng chiếc muỗng (kim loại) hơ trên ngọn lửa đèn cồn cho nóng. Lấy một ít phân bón khô rắc cục than củi đã nóng đỏ hoặc lên chiếc muỗng đã nóng. <i>Nếu có mùi khai</i> (mùi của amôniac) đó là:</p> <p>A. Phân đạm                      B. Phân Kali                      C. Phân lân                      D. Vôi</p> <p><b><u>Câu 2:</u></b> Nếu phân bón có màu nâu, nâu sẫm hoặc xám như xi măng, đó là:</p> <p>A. Phân đạm                      B. Phân Kali                      C. Phân lân                      D. Vôi</p> <p><b><u>Câu 3:</u></b> Nếu phân bón có màu trắng, dạng bột, đó là:</p> <p>A. Phân đạm                      B. Phân Kali                      C. Phân lân                      D. Vôi</p> <p><b><u>Câu 4:</u></b> Phân bón hòa tan là:</p> <p>A. Phân đạm                      B. Phân Kali                      C. Phân lân                      D. Cả A và B đều đúng</p> <p><b><u>Câu 5:</u></b> Phân bón không hòa tan là:</p> <p>A. Phân đạm                      B. Phân Kali                      C. Phân lân                      D. Phương án khác</p> <p><b><u>Câu 6:</u></b> Đốt cục than củi trên đèn cồn đến khi nóng đỏ hoặc dùng chiếc muỗng (kim loại) hơ trên ngọn lửa đèn cồn cho nóng. Lấy một ít phân bón khô rắc cục than củi đã nóng đỏ hoặc lên chiếc muỗng đã nóng. <i>Nếu không có mùi khai</i> đó là:</p> <p>A. Phân đạm                      B. Phân Kali                      C. Phân lân                      D. Vôi</p> <p><b>-Hoàn thành phiếu học tập</b></p> <table border="1" data-bbox="391 1675 1365 1898"> <thead> <tr> <th>Mẫu phân</th> <th>Có hòa tan không?</th> <th>Đốt trên than củi nóng đỏ có mùi khai không?</th> <th>Màu sắc?</th> <th>Loại phân gì?</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Mẫu số 1</td> <td>Có</td> <td>Có</td> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Mẫu phân	Có hòa tan không?	Đốt trên than củi nóng đỏ có mùi khai không?	Màu sắc?	Loại phân gì?	Mẫu số 1	Có	Có	.....	.....
Mẫu phân	Có hòa tan không?	Đốt trên than củi nóng đỏ có mùi khai không?	Màu sắc?	Loại phân gì?							
Mẫu số 1	Có	Có	.....	.....							

	Mẫu số 2	Không	.....	Xám	.....	
	Mẫu số 3	Có	Không	.....	.....	
	Mẫu số 4	Không	.....	Trắng	.....	

**2. Phiếu ghi chép các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Công nghệ		1..... ..... ..... ..... ..... ..... 2..... ..... ..... ..... ..... ..... 3..... ..... ..... ..... .....

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**  
**Trường THCS TRẦN QUỐC TUẤN**  
**Tổ Ngữ văn**

**GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**  
**(Đối với HS không thể học tập trực tuyến )**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN NGỮ VĂN**  
**KHỐI LỚP 7**  
**TUẦN 8 (25/10 - 30/10/2021)**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>Tên bài học/ chủ đề</b> <b>Khối lớp 7</b>	<b>Luyện tập viết đoạn văn biểu cảm về sự vật</b> <b>Ôn tập kiểm tra thường xuyên.</b>
<b>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i></b>	<b>Tập làm văn:</b> <b>LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN BIỂU CẢM VỀ SỰ VẬT</b>
<b>Nhắc lại hình thức viết đoạn văn</b>	<b>I.Nhắc lại kiến thức cũ:</b> <b>1.Hình thức viết đoạn văn :</b> - Lùi đầu dòng - Đầu câu viết hoa - Viết hết dòng xuống dòng kế tiếp không tự ý xuống dòng - Kết thúc đoạn văn phải có dấu chấm.
<b>Đọc khái niệm thế nào là văn biểu cảm, các cách lập ý cho bài văn biểu cảm.</b>	<b>2. Văn biểu cảm:</b> - Văn biểu cảm là văn bản viết ra nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc, sự đánh giá của con người đối với thế giới xung quanh và kêu gọi lòng đồng cảm nơi người đọc. - Có hai cách biểu cảm : biểu cảm trực tiếp, biểu cảm gián tiếp - Các cách lập ý cho bài văn biểu cảm: hồi tưởng kỉ niệm quá khứ, suy nghĩ hiện tại, mơ ước tới tương lai, tưởng tượng tình huống, vừa quan sát vừa suy ngẫm.

## **II. Luyện tập :**

**Đề bài :** Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về sách vở mà mình đọc hằng ngày.

Gợi ý:

\*Mở đoạn: Nêu suy nghĩ chung về vai trò của sách vở đối với bản thân em và với mọi người.

\*Thân đoạn:

- Nêu cảm nghĩ của bản thân về ý nghĩa to lớn của những kiến thức mà sách đem lại.
- Nêu cảm nghĩ về việc lưu giữ tri thức mà sách vở đem lại
- Cảm nghĩ về ý nghĩa của sách vở trong việc giáo dục bản thân hoàn thiện nhân cách

\*Kết đoạn:

Khẳng định vai trò của sách. Nêu tình cảm của em dành cho sách vở.

**Đề bài :** Viết đoạn văn về loài cây em yêu.

Gợi ý :

\*Mở đoạn:

Giới thiệu về loài cây em yêu thích  
Tình cảm của em dành cho loài cây đó.

\*Thân đoạn:

- Nêu cảm nghĩ về hình dáng, kích thước, các bộ phận của cây.
- Kể về một kỉ niệm đáng nhớ giữa em và loài cây ấy.
- Vai trò, công dụng của cây đối với em

\*Kết đoạn:

Cảm xúc của em dành cho loài cây đó.

## **CHUẨN BỊ KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN**

**\*Nội dung :**

### **1.VĂN BẢN:**

a. Văn bản nhật dụng :

- Công trường mở ra \_ Lí Lan
- Mẹ tôi \_ Ét –môn-đô-đơ A-mi-xi
- Cuộc chia tay của những con búp bê \_ Khánh Hoài.

b. Ca dao:

- Tình cảm gia đình

	<p>-Tình yêu quê hương, đất nước, con người.  c. <u>Văn học trung đại</u>:  -Sông núi nước Nam  <b>2. TIẾNG VIỆT :</b>  - Từ ghép  - Từ láy  <b>3. TẬP LÀM VĂN:</b>  -Bố cục trong văn bản  -Mạch lạc trong văn bản.</p>
<p><b>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</b></p>	<p>- Hoàn thành đoạn văn vào vở.  <b>Đọc các câu sau và khoanh tròn vào đáp án đúng nhất :</b>  <b>VĂN BẢN</b>  <b>Xác định nhân vật chính trong văn bản “Công trường mở ra”</b></p> <p>A Người mẹ                      B Người con  C Bà ngoại                      D Phụ huynh học sinh</p> <p><b>Văn bản “Mẹ tôi” được viết theo phương thức biểu đạt nào?</b></p> <p>A Tự sự                      B Biểu cảm  C Nghị luận                      D Miêu tả</p> <p><b>Xác định tác giả văn bản “Cuộc chia tay của những con búp bê”.</b></p> <p>A Lí Lan                      B Thạch Lam  C Khánh Hoài                      D Xuân Quỳnh”</p> <p><b>Qua văn bản “Cuộc chia tay của những con búp bê”, tác giả muốn gửi thông điệp gì đến tất cả mọi người?</b></p> <p>A Phê phán những bậc cha mẹ thiếu trách nhiệm, không quan tâm đến con cái.  B Ca ngợi tình cảm trong sáng của hai anh em Thành và Thủy vô cùng yêu thương nhau.</p>

C Thể hiện niềm cảm thông sâu sắc với những đứa trẻ không may rơi vào hoàn cảnh gia đình chia li.

D Khẳng định tình cảm gia đình là vô cùng quý, các bậc cha mẹ phải trân trọng và giữ gìn hạnh phúc.

**Bài thơ “Sông núi nước Nam” được gọi là gì ?**

- A Là khúc ca khải hoàn .
- B Là hồi kèn xung trận .
- C Là án thiên cổ hùng văn .
- D Là bản tuyên ngôn độc lập .

**Trong văn bản “Mẹ tôi” của Ét-môn-đô-đơ A-mi-xi em hãy cho biết bố của En-ri-cô là người như thế nào?**

- A Rất yêu thương và nuông chiều con
- B Luôn thay mẹ của En-ri-cô giải quyết mọi vấn đề.
- C. Luôn nghiêm khắc và không tha thứ lỗi lầm của con.
- D. Yêu thương ,nghiêm khắc và tế nhị trong việc giáo dục con.

**Trong văn bản “Mẹ tôi” của Ét-môn-đô-đơ A-mi-xi em hãy cho biết mẹ của En-ri-cô là người như thế nào?**

- A Mẹ rất yêu thương và nuông chiều con .
- B Mẹ rất nghiêm khắc với con.
- C Mẹ yêu thương và hi sinh tất cả vì con.
- D Mẹ không tha thứ lỗi lầm của con.

**Nhân vật chính trong văn bản “Cuộc chia tay của những con búp bê” là ai?**

- A Hai anh em
- B Người mẹ
- C Cô giáo
- D Những con búp bê

**Bài thơ “Sông núi nước Nam” ra đời trong hoàn cảnh nào?**

- A Trần Quang Khải chiến thắng giặc Nguyên Mông ở bến Chương Dương.
- B Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.
- C Lí Thường Kiệt chống giặc Tống trên bến sông Như Nguyệt.
- D Quang Trung đại phá quân Thanh.

**Xác định ý nghĩa biểu hiện của bài “Sông núi nước Nam”**

- A Bài thơ là áng thiên cổ hùng văn
- B Bài thơ là khúc ca khải hoàn mừng chiến thắng
- C Bài thơ là hồi kèn xung trận
- D Bài thơ là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta.

**Trong văn bản “ Mẹ tôi” đã học ,em hãy cho biết tại sao bố của En Ri Cô lại viết thư khi con mình có lỗi .**

- A Vì con ở xa nên bố phải viết thư gửi đến con.
- B Vì giận con quá không muốn nhìn mặt con nên bố phải viết thư gửi đến con.
- C Vì viết thư bố sẽ nói được đầy đủ ,sâu sắc hơn ,con sẽ cảm nhận và hiểu sâu sắc
- D Vì sợ nói trực tiếp sẽ xúc phạm đến con nên bố phải viết thư.

**Đọc bài ca dao sau đây:**

**“Công cha như núi ngất trời  
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển  
đông**

**Núi cao biển rộng mênh mông  
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!”**

**Bài ca dao trên là lời của ai nói với ai?.**

- A Lời của cha mẹ nói với con cái.
- B Lời của ông bà nói với con cháu.
- C Lời của mẹ nói với con gái.
- D Lời của anh em khuyên nhủ lẫn nhau.

**Đọc bài ca dao sau đây:**

- Ở đâu năm cửa nàng ơi

Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng?

Sông nào bên đục bên trong?

Núi nào thất cổ bông mà lại có thánh sinh?

Đền nào thiên nhất xứ Thanh

Ở đâu mà lại có thành tiên xây?

-Thành Hà Nội năm cửa chàng ơi

Sông Lục đầu sáu khúc nước chảy xuôi một dòng. Nước sông Thương bên đục bên trong

Núi Đứ Thánh Tản thất cổ bông lại có thánh sinh

Đền Sòng thiên nhất xứ Thanh

Ở trên tỉnh Lạng có thành tiên xây.

**Đặc điểm hình thức nổi bật của bài ca dao trên là gì?**

A Đọc thoại

B Kể chuyện

C Đối đáp

D Miêu tả

**Đọc bài ca dao sau đây:**

Đứng bên ni đồng,ngó bên tê đồng,mênh mông  
bát ngát, Đứng bên tê đồng,ngó bên ni đồng,bát  
ngát menh mông.

Thân em như chèn lùa đồng đồng

Phát phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.

**Em hãy cho biết vẻ đẹp của cô gái trong bài ca dao trên là vẻ đẹp như thế nào?**

A Rực rỡ và quyến rũ

B Trong sáng và hồn nhiên

C Trẻ trung và đầy sức sống

D Mạnh mẽ và đầy bản lĩnh

**Bài thơ “Sông núi nước Nam” đã nêu bật nội dung gì?**

A Nước Nam là nước có chủ quyền không một kẻ thù nào xâm phạm được

B Nước Nam rộng lớn và hùng mạnh không kẻ thù nào dám xâm lăng.

C Nước Nam là một nước có nền văn hiến tốt đẹp từ lâu đời.

D Nước Nam có nhiều anh hùng nhất định sẽ đánh tan giặc ngoại xâm.

**TIẾNG VIỆT :**

**Xác định từ láy trong những từ sau đây :**

A Đăng đông            B Sáng sớm

C Thơm tho            D Đây đó.

**Từ ghép có mấy loại?**

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

**Các tiếng trong từ ghép đẳng lập bình đẳng với nhau về mặt ngữ pháp (không phân tiếng chính, không phân tiếng phụ) đúng hay sai?**

A. Đúng

B. Sai

**Trong các từ sau, từ nào là từ ghép chính phụ?**

A. Thầy giáo.

B. Trâm bông.

C. Sách vở.

D. Học hành.

**Từ ghép chính phụ là từ như thế nào?**

A. Từ có các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp.

B. Từ có hai tiếng có nghĩa.

C. Từ được tạo ra từ một tiếng có nghĩa.

D. Từ ghép có tiếng chính và tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính.

**Từ láy được phân thành mấy loại?**

A. Hai loại

B. Ba loại

C. Bốn loại

D. Không thể phân loại được

**Nghĩa của từ láy được tạo nên như thế nào?**

A. Nghĩa từ láy được tạo thành nhờ đặc điểm âm thanh của tiếng và sự hòa phối âm thanh giữa các tiếng

B. Từ láy có tiếng có nghĩa làm gốc thì nghĩa của từ láy có thể có những sắc thái riêng so với tiếng

góc như sắc thái biểu cảm, giảm nhẹ hoặc nhấn mạnh

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Từ “thoang thoảng” thuộc loại từ láy nào ?**

A. Từ láy bộ phận

B. Từ láy toàn bộ

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B sai

**TẬP LÀM VĂN :**

**Thế nào là bố cục trong văn bản?**

A. Bố cục trong văn bản là sự sắp xếp, kết nối các câu ,đoạn trong văn bản bằng những phương tiện ngôn ngữ thích hợp.

B. Bố cục trong văn bản là sự sắp xếp các phần, các đoạn theo một trình tự, một hệ thống rành mạch hợp lí.

C. Bố cục trong văn bản là các câu ,đoạn trong văn bản cùng nói về một nội dung để nêu bật chủ đề.

D. Bố cục trong văn bản là các phần ,các đoạn trong văn bản thông suốt,liên tục ,không đứt đoạn.

**Văn bản thường được xây dựng theo một bố cục gồm mấy phần?**

A 3 phần: Mở bài - Thân bài - Kết bài

B 3 phần: Mở bài - Thân bài - Kết bài

C 4 phần: Mở bài - Thân bài - Kết bài - Viết bài

D 5 phần:Mở bài - Thân bài - Kết bài -Viết bài – Kiểm tra bài

**Mạch lạc trong văn bản là gì?**

A. Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản đều nói về một đề tài, biểu hiện chủ đề chung xuyên suốt

B. Mạch lạc là sự rõ ràng về mặt nội dung trong cách triển khai văn bản

C. Các phần đoạn, câu trong văn bản được tiếp nối theo một trình tự rõ ràng, hợp lí, trước sau hô

	ứng nhằm làm rõ chủ đề liên mạch và gợi được nhiều hứng thú cho người đọc D. Cả A và C.
--	--

**Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

<b>Môn học</b>	<b>Nội dung học tập</b>	<b>Câu hỏi của học sinh</b>
Ngữ Văn	Tập làm văn: Luyện tập viết đoạn văn biểu cảm về sự vật	1. 2. 3.

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**  
**Trường THCS TRẦN QUỐC TUẤN**  
**Tổ Ngữ văn**

**GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**  
**(Đối với HS không thể học tập trực tuyến )**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN NGỮ VĂN**  
**KHỐI LỚP 7**  
**TUẦN 9 (01/11 - 06/11/2021)**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>Tên bài học/ chủ đề</b> <b>Khối lớp 7</b>	<b>Qua đèo Ngang</b> <b>Bạn đến chơi nhà</b> <b>Các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn biểu cảm</b> <b>Luyện nói các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn biểu cảm.</b>
<b>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</b>  <b>Đọc chú thích SGK/ 102,103.</b> <b>Gạch chân các ý chính về tác giả và tác phẩm.</b>  <b>Đọc văn bản “Qua đèo Ngang” và trả lời các câu hỏi 2,3,4,5,6 SGK/ 103,104.</b>	<b>Văn bản :</b> <b>QUA ĐÈO NGANG</b> <b>I. ĐỌC- HIỂU CHÚ THÍCH</b> <b>1. Tác giả:</b> - Bà Huyện Thanh Quan tên thật là Nguyễn Thị Hinh, quê ở làng Nghi Tàm, Tây Hồ - Hà Nội. - Bà là một nữ sĩ tài danh hiếm có trong lịch sử văn học Việt Nam thời trung đại. <b>2. Tác phẩm:</b> - HCST: Tác phẩm được viết khi bà đi qua đèo Ngang vào Huế dạy học. - Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật - Từ khó : SGK/102,103. <b>II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN</b> <b>1. Hai câu đề:</b> <i>Bước tới bóng xế tà</i> <i>Cỏ cây chen đá, lá chen hoa</i> - Thời gian: chiều tà - Cảnh vật: cỏ cây chen đá, lá chen hoa -> Liệt kê, điệp từ, điệp âm liên tiếp

=> Thoáng đặng mà heo hút, hoang sơ, buồn vắng

## 2. Hai câu thực :

*Lom khom dưới núi tiều vài chú*

*Lác đác bên sông chợ mấy nhà*

→ Phép đối, đảo ngữ, từ láy gợi hình

⇒ Cảnh thưa thớt, lơ thơ, thấp thoáng có sự sống của con người làm cho phong cảnh thiên nhiên đỡ hiu quạnh, thêm ấm áp tình người.

## 2. Hai câu luận :

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc*

*Thương nhà mỏi miệng cái gia gia*

→ Phép đối, chơi chữ, ẩn dụ, đảo ngữ

⇒ Sự tiếc nuối thời vàng son của đất nước, tâm trạng nặng trĩu nỗi niềm nhớ nước, thương nhà của tác giả.

## 4. Hai câu kết:

*Dừng chân đứng lại, trời, non nước*

*Một mảnh tình riêng, ta với ta*

- Không gian : Trời, non, nước

-> Mênh mông, bát ngát, rộng mở

- Con người : nhỏ bé, yếu đuối, cô đơn - *Một mảnh tình riêng, ta với ta*

-> Tương phản đối lập, liệt kê, điệp từ

⇒ Tâm trạng cô đơn thâm lặng, nỗi niềm hoài cổ của nhà thơ trước cảnh vật Đèo Ngang quạnh vắng.

**Đọc ghi nhớ SGK/104.**

### III. TỔNG KẾT

\* **Ghi nhớ:** sgk/104

**Văn bản**

### **BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ**

#### **I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH:**

##### **1. Tác giả:**

- Nguyễn Khuyến ( 1835-1909) quê ở Hà Nam.

- Là nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam

- Đỗ đầu ba kì thi Hương, Hội, Đình nên được gọi là Tam Nguyên Yên Đổ.

**Đọc chú thích SGK/ 104,105.  
Gạch chân các ý chính về tác giả, tác phẩm.**

**Đọc văn bản “ Bạn đến chơi nhà” và trả lời câu hỏi 2a,b,c,d SGK/105.**

**Đọc ghi nhớ SGK/105**

## **2. Tác phẩm:**

- Tác phẩm ra đời khi ông cáo quan về ở ẩn ở vườn cũ.
- Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật.

## **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN**

### **1. Câu thơ đầu**

*Đã bấy lâu nay, bác tới nhà*

->Ngôn ngữ giản dị, tự nhiên

=> Lời chào bạn đến chơi nhà, tâm trạng vui mừng, hồ hởi.

### **2. Sáu câu tiếp theo**

+ *Trẻ đi vắng, chợ lại xa*

+ *Không bắt được cá vì ao quá sâu*

+ *Không đuổi được gà vì vườn quá rộng*

+ *Cải chửa ra cây*

+ *Cà mới nụ*

+ *Bầu vừa rụng rốn*

+ *Mướp đương hoa*

+ *Trầu không có*

- Nói quá

-> Hoàn toàn không có một thứ vật chất gì để đãi khi bạn đến chơi nhà.

- Giọng điệu hóm hỉnh, hình ảnh dân dã, ngôn ngữ giản dị

=> Tiếp đãi bạn bằng tấm chân tình

### **3. Câu thơ cuối**

*Bác đến chơi đây, ta với ta!*

- Điệp từ “ta”

-> Thể hiện sự đồng nhất trọn vẹn giữa chủ thể với khách.

=> Tình bạn đậm đà, thắm thiết, lạc đạo vong bản.

## **III. TỔNG KẾT**

\* **Ghi nhớ:** sgk/ 105

**Đọc bài thơ “Bài ca nhà tranh bị gió thu phá” và trả lời câu 1 SGK/137.**

**Đọc đoạn văn “Tuổi thơ im lặng” SGK/137, 138 và trả lời câu hỏi a, b SGK/138.**

**Đọc ghi nhớ SGK/138**

**Tập làm văn**  
**CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ, MIÊU TẢ TRONG**  
**VĂN BẢN BIỂU CẢM.**

**I. TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ TRONG VĂN BIỂU CẢM**

**1. Tìm hiểu bài:**

**a. Văn bản:** *Bài ca nhà tranh bị gió thu phá*

\* Phần 1: *tự sự + miêu tả*

-> Tạo bối cảnh chung

\* Phần 2: *tự sự + biểu cảm*

-> Trẻ cướp tranh và uất ức vì già yếu

\* Phần 3: *tự sự + miêu tả + biểu cảm*

-> Nổi khỏ và sự cam phận

\* Phần 4: *biểu cảm trực tiếp*

-> Tình cảm cao thượng, vị tha vươn lên sáng ngời.

=> Yếu tố tự sự, miêu tả gọi ra đối tượng biểu cảm và gửi gắm cảm xúc.

**b. Đoạn văn:** *Tuổi thơ im lặng*

\* Phần 1: *Miêu tả + tự sự*

-> Sự vất vả, đau đớn của bố

\* Phần 2: *Tự sự + miêu tả*

-> Sự cực nhọc, tần tảo kiếm sống của bố

\* Phần 3: *Biểu cảm*

-> Tình yêu thương vô hạn đối với bố

=> Miêu tả trong hồi tưởng không phải miêu tả trực tiếp mà chỉ nhằm khơi gợi cảm xúc cho người đọc

**2. Ghi nhớ : SGK/138.**

**II.LUYỆN NÓI:**

**Đề bài :** **Nêu cảm nghĩ của em về thầy/ cô giáo, những “người lái đò” đưa thế hệ trẻ “cập bến” tương lai**

**MB:** Giới thiệu “ thầy cô giáo những người lái đò đưa thế hệ trẻ cập bến tương lai

**TB:**

-Vai trò của thầy cô giáo trong cuộc sống của mỗi người:

+Thầy cô là người truyền dạy tri thức.



- C. Ngũ ngôn
- D. Thất ngôn bát cú

**Cảnh Đèo Ngang được miêu tả trong thời điểm nào?**

- A Xế trưa                      B Xế chiều
- C Ban mai                      D Đêm khuya

**Đọc hai câu thơ sau đây:**

**Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà  
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.**

**Hãy cho biết cảnh Đèo Ngang trong hai câu thơ trên được miêu tả như thế nào?**

- A Tươi tắn, sinh động                      B Phong phú, đầy sức sống.
- C Um tùm, rậm rạp                      D Hoang vắng, thê lương

**Bài thơ Bạn đến chơi nhà là của tác giả?**

- A. Nguyễn Trãi
- B. Nguyễn Du
- C. Nguyễn Khuyến
- D. Nguyễn Đình Chiểu

**Bạn đến chơi nhà thuộc thể thơ gì?**

- A. Thất ngôn bát cú
- B. Thất ngôn tứ tuyệt
- C. Lục bát
- D. Song thất lục bát

**Từ câu thơ thứ hai đến câu sáu, tác giả nói về sự thiếu thốn về vật chất nhằm mục đích gì?**

- A. Miêu tả cảnh nghèo của mình
- B. Giải bày hoàn cảnh thực tế của mình
- C. Không muốn tiếp đãi bạn
- D. Diễn đạt một cách dí dỏm tình cảm chân thành, sâu sắc.

**Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

<b>Môn học</b>	<b>Nội dung học tập</b>	<b>Câu hỏi của học sinh</b>
Ngữ Văn	Văn bản: Qua đèo Ngang	1. 2. 3.
	Văn bản: Bạn đến chơi nhà	1. 2. 3.
	Tập làm văn: Các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn bản biểu cảm.	1. 2. 3.

**UNIT 4: AT SCHOOL**  
**PART B: THE LIBRARY**

**I. New words:**

Librarian (n)	: thủ thư
Rack = shelf (n)	: cái kệ
At the back of the	: Ở phía cuối
Chemistry (n)	: môn Hóa
Reference book (n)	: sách tham khảo
Follow (v)	: theo sau
Find (v)	: tìm thấy
Contain (v)	: chứa đựng
Employee (n)	: nhân viên
Receive (v)	: nhận được
Congress (n)	: Quốc hội

**II. Remember**

**1. Prepositions of position: Giới từ chỉ vị trí**

On the left  
On the right  
At the back of  
In the middle of

**2. Determiners ( Từ xác định )**

*This – these ( này ) / That – those ( đó, kia):* đặt trước danh từ

- **This / that** + danh từ số ít
- **These / those** + danh từ số nhiều

Ex: *This book is more interesting than that one.* (Quyển sách này hay hơn quyển sách kia)

*These racks have magazines.* ( Những giá đỡ này đựng tạp chí )

*Those people are waiting for a bus* ( Những người kia đang chờ xe buýt )

**III. Exercise**

**Exercise 1: Make question with “ what time ...?” and answer with given words:**

Ex: you/ get up //6→ What time do you get up ? I get up six o'clock.

1. they / have English // 7.40

.....

2. He / study Math // 3.25

.....

3. The student / have a break // 9.00

.....

4. Your father / go home from work // 5.10

.....

5. Classes / start // 7.00

.....  
**Exercise 2: Write sentences in present progressive tense:**

Ex: I / read / a newspaper now. → I am reading a newspaper now.

1. My father / watch / television / at the moment

.....  
2. We / walk / to school

.....  
3. They / study / Geography / at this time

.....  
4. She / skip / a rope / now

.....  
5. Nam and Nga / have / lunch / at present

.....  
**Exercise 3: Fill in the blank with suitable question – word from the box:**

What – What time – Where – When – How – Who – How many
--

1. .... do you do ? - I'm a student
2. .... is she going ? - She is going to the market.
3. .... are you talking to ? - I'm talking to my friend Thanh.
4. .... does Nam have Math ? - He has Math at 8.45
5. .... do they have English ? - They have it on Monday and Friday.
6. .... classes do you have today ? - We have four classes.
7. .... are you they going to school ?- They're going to school by bus.

**Exercise 4: Fill in the blank with a preposition:**

1. The science books are ..... the left.
2. There is a refrigerator ..... the kitchen.
3. Magazines and newspaper are..... the racks ..... the middle.
4. Are there any English books ..... the shelves next ..... the study area ?
5. You can find the physics books ..... the back of the library.

**UNIT 5: WORK AND PLAY**  
**PART A: IN CLASS**

**I. New words:**

think (v)	: nghĩ
use (v)	: sử dụng, dùng
computer (n)	: máy tính
Computer Science class	: giờ tin học
be interested in(exp)	: thích, say mê, quan tâm đến, ham thích
experiment (n)	: thí nghiệm
do experiment	: làm thí nghiệm
enjoy (v)	: yêu thích, thưởng thức
electronics (n)	: ngành điện tử
repair (v)	: sửa chữa ( máy móc )
household (n)	: hộ gia đình
appliance (n)	: thiết bị
→ household appliance	: thiết bị gia đình
fix (v)	: sửa chữa, chữa
light (n)	: đèn điện
be good at + (doing something)	: giỏi về ( làm việc gì )
Ex: He is good at fixing things.	
be good at + subject	: giỏi về ( môn gì )
Ex: He is good at math.	
art club (n)	: câu lạc bộ nghệ thuật
draw (v)	: vẽ
→ drawing (n)	: tranh vẽ
famous (adj)	: nổi tiếng
artist (n)	: nghệ sĩ, họa sĩ
cost (n)	: giá, có giá là
try ( + to do something )	: cố gắng ( làm gì )
right (adj)	: đúng # wrong: sai
price (n)	: giá cả
problem (n)	: vấn đề
correct (adj)	: đúng
erase (v)	: tẩy, xóa
pleasure (n)	: niềm vui, sự vui sướng

**II. Remember**

**1. Hỏi bạn học được gì ở môn....**

What	do	you	Study in your History class ?
What	does	He/ she	Learn in his/ her Geography class ?
What	Do	They	Learn in their Chemistry class

I study past and present events in Viet Nam and around the world
He/ She studies different countries and their people
They do some experiments

## **2. Hỏi môn yêu thích của bạn**

What 's your favorite subject?
My favorite subject is + Subject

Eg: What 's your favorite subject? – My favorite subject is Math

### **III. Exercise**

#### **Exercise 1: Multiple choice:**

- We go to school six days.....
  - a week
  - in a week
  - on a week
  - every week
- We study about different countries in .....class
  - literature
  - geography
  - history
  - biology
- Ba is good at repairing .....appliances
  - home
  - family
  - house
  - household
- In Physics class , students do some .....
  - example
  - exercises
  - experience
  - experiments
- In language class, students study .....
  - Physical lessons
  - Physics
  - Biology
  - English
- In.....,they learn how things work.
  - Chemistry
  - Physics
  - Poems
  - Art
- We write essays in.....class
  - Geography
  - History
  - Literature
  - English
- In Computer Science Class, we learn .....
  - how to use a computer
  - use computers
  - how a computer work
  - to use computers
- In Geography, we usually use .....
  - bells
  - atlas
  - drawing
  - calculators
- My favorite subject at school is .....
  - Electric
  - Electronics
  - Electricity
  - Electron

#### **Exercise 2: Use the correct forms or tenses of the verbs in brackets**

- I'm fond of (sing ).....English songs
- Keep silent! The teacher(come).....
- Is Jack interested in (read).....picture books?
- The Bakers (have).....dinner now
- I enjoy(watch).....funny shows
- The weather(be).....fine tomorrow
- Just a minute! I(look).....up that word in the dictionary
- Each of us is ready(do).....the work

9. Lan is afraid of(cross).....the streets  
10. I don't enjoy(write).....letters

TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TUẤN  
TỔ LÝ-HOÁ-SINH-CÔNG NGHỆ

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC  
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN VẬT LÝ 7  
TUẦN 8  
GƯƠNG CẦU LÒI  
TÓM TẮT LÝ THUYẾT

1. Gương cầu lồi là gì?

*Gương cầu lồi là một phần mặt cầu, phản xạ tốt ánh sáng, có mặt phản xạ nằm phía ngoài mặt cầu.*

2. Đặc điểm ảnh của vật tạo bởi gương cầu lồi

Ảnh của vật tạo bởi gương cầu lồi có đặc điểm:

- Là ảnh ảo (không hứng được trên màn chắn).
- Luôn nhỏ hơn vật.

3. Vùng nhìn thấy của gương cầu lồi

- Khi đặt mắt trước một gương cầu lồi, mắt chỉ có thể nhìn thấy ảnh của những vật nằm trong một vùng nào đó trước gương. Vùng này được gọi là vùng nhìn thấy của gương cầu lồi.

- Vùng quan sát được trong gương cầu lồi rộng hay hẹp tùy thuộc vào kích thước của gương và vị trí đặt mắt trước gương.

- Với gương cầu lồi và gương phẳng cùng kích thước (cùng độ rộng) và cùng vị trí đặt mắt như nhau thì vùng quan sát được trong gương cầu lồi lớn hơn vùng quan sát được trong gương phẳng.

4. Ứng dụng



- Làm gương chiếu hậu xe ô tô, xe máy.
- Làm gương đặt ở bên đường tại những nơi đường gấp khúc có vật cản che khuất tầm nhìn của lái xe, giảm thiểu tai nạn giao thông.



## II. PHƯƠNG PHÁP GIẢI

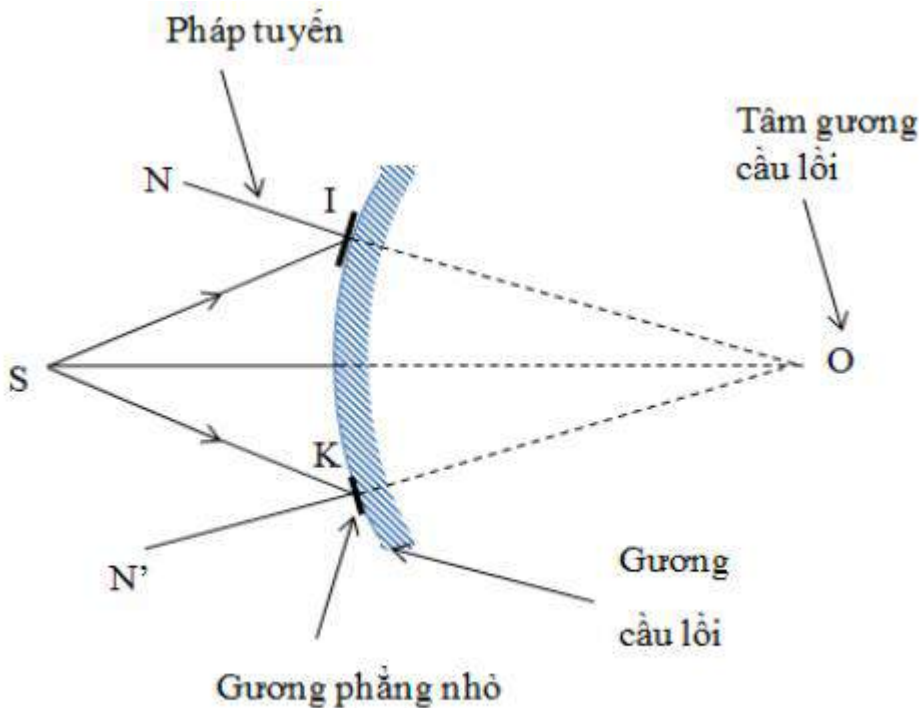
### 1. Phân biệt gương cầu lồi và gương phẳng

Để phân biệt gương cầu lồi và gương phẳng ta dựa vào hình dạng, đặc điểm ảnh của vật tạo bởi gương phẳng và gương cầu lồi.

Phân biệt	Gương phẳng	Gương cầu lồi
Hình vẽ		
Hình dạng	Mặt phẳng, nhẵn, bóng	Mặt lồi, nhẵn, bóng
Ảnh	Ảnh ảo, bằng vật	Ảnh ảo, nhỏ hơn vật

### 2. Vẽ ảnh của một điểm hoặc của một vật đặt trước gương cầu lồi

Mỗi điểm trên gương cầu lồi được coi như gương phẳng nhỏ. Do đó có thể áp dụng định luật phản xạ ánh sáng tại mỗi điểm trên gương cầu lồi để vẽ tia phản xạ tương ứng với mỗi tia tới.



**Hình 2.3**

3. Giải thích một số ứng dụng của gương cầu lõm

Dựa vào đặc điểm vùng nhìn thấy của gương cầu lõm rộng hơn vùng nhìn thấy của gương phẳng có cùng kích thước.

**Lưu ý:** Pháp tuyến tại mỗi điểm tới trên gương cầu lõm có đường kéo dài đi qua tâm mặt cầu (hình 2.3)

**BÀI TẬP**

**Bài 1 :** Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lõm có đặc điểm là:

- A. Lớn hơn vật
- B. Bằng vật
- C. Nhỏ hơn vật
- D. Gấp đôi vật

**Hiển thị đáp án**

Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lõm là ảnh ảo, nhỏ hơn vật

Đáp án cần chọn là: C

**Bài 2 :** Chọn câu đúng:

- A. Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lõm lớn hơn vật
- B. Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lõm bằng vật
- C. Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lõm nhỏ hơn vật
- D. Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lõm gấp đôi vật

**Hiển thị đáp án**

Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi là ảnh ảo, nhỏ hơn vật  
Đáp án cần chọn là: C

**Bài 3 :** Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi là:

- A. Ảnh ảo hứng được trên màn
- B. Ảnh thật hứng được trên màn
- C. Ảnh ảo không hứng được trên màn
- D. Ảnh thật không hứng được trên màn

**Hiển thị đáp án**

Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi là ảnh ảo (không hứng được trên màn), nhỏ hơn vật

Đáp án cần chọn là: C

**Bài 4 :** Ảnh tạo bởi gương cầu lồi là:

- A. Ảnh ảo lớn hơn vật
- B. Ảnh thật nhỏ hơn vật
- C. Có thể là ảnh thật hoặc ảnh ảo tùy vào vị trí đặt vật
- D. Ảnh ảo nhỏ hơn vật

**Hiển thị đáp án**

Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi là ảnh ảo (không hứng được trên màn), nhỏ hơn vật

Đáp án cần chọn là: D

**Bài 5 :**

Để quan sát ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi thì mắt ta phải:

- A. Nhìn thẳng vào vật
- B. Nhìn vào gương
- C. Ở phía trước gương
- D. Nhìn vào gương sao cho chùm tia phản xạ chiếu thẳng vào mắt

**Hiển thị đáp án**

Ta có: ảnh tạo bởi gương cầu lồi là ảnh ảo (không hứng được trên màn)

⇒ Để có thể nhìn thấy ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi thì mắt ta phải nhìn vào gương sao cho chùm tia phản xạ chiếu thẳng vào mắt

Đáp án cần chọn là: D

**Bài 6 :** Chọn câu đúng trong các câu sau:

- A. Để quan sát ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi thì mắt ta phải nhìn thẳng vào vật
- B. Để quan sát ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi thì mắt ta phải nhìn vào gương
- C. Để quan sát ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi thì mắt ta phải ở phía trước gương
- D. Để quan sát ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi thì mắt ta phải nhìn vào gương sao cho chùm tia phản xạ chiếu thẳng vào mắt

**Hiển thị đáp án**

Ta có: ảnh tạo bởi gương cầu lồi là ảnh ảo (không hứng được trên màn)  
⇒ Để có thể nhìn thấy ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi thì mắt ta phải nhìn vào gương sao cho chùm tia phản xạ chiếu thẳng vào mắt

Đáp án cần chọn là: D

**Bài 7 :** Câu phát biểu nào dưới đây là đúng khi nói về tính chất ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi?

- A. Không hứng được trên màn, nhỏ hơn vật
- B. Hứng được trên màn, nhỏ hơn vật
- C. Hứng được trên màn, bằng vật
- D. Không hứng được trên màn, bằng vật

**Hiện thị đáp án**

Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi là ảnh ảo (không hứng được trên màn), nhỏ hơn vật

Đáp án cần chọn là: A

**Bài 8 :** Chọn câu phát biểu đúng:

- A. Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi không hứng được trên màn, nhỏ hơn vật
- B. Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi hứng được trên màn, nhỏ hơn vật
- C. Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi hứng được trên màn, bằng vật
- D. Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi không hứng được trên màn, bằng vật

**Hiện thị đáp án**

Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi là ảnh ảo (không hứng được trên màn), nhỏ hơn vật

Đáp án cần chọn là: A

**Bài 9 :** Vùng nhìn thấy của gương cầu lồi như thế nào so với gương phẳng cùng kích thước:

- A. Lớn hơn
- B. Bằng nhau
- C. Nhỏ hơn
- D. Nhỏ hơn hoặc bằng

**Hiện thị đáp án**

Vùng nhìn thấy của gương cầu lồi rộng hơn vùng nhìn thấy của gương phẳng có cùng kích thước.

Đáp án cần chọn là: A

**Bài 10 :** Vùng nhìn thấy trong gương phẳng.....vùng nhìn thấy trong gương cầu lồi (cùng kích thước).

- A. Bằng
- B. Hẹp hơn
- C. Rộng hơn
- D. Rộng gấp đôi

**Hiện thị đáp án**

Vùng nhìn thấy của gương cầu lõm rộng hơn vùng nhìn thấy của gương phẳng có cùng kích thước.

Đáp án cần chọn là: B

HẾT

GV hướng dẫn : HUỖNH THỊ KIM TRÚC

SĐT :0909095944

MAIL: truchuyन्हthikim@yahoo.com

TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TUẤN  
TỔ LÝ-HOÁ-SINH-CÔNG NGHỆ

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC  
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN VẬT LÝ 7  
TUẦN 9  
TỔNG KẾT CHƯƠNG 1 :QUANG HỌC  
TÓM TẮT LÝ THUYẾT

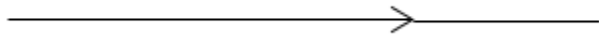
1. Nhận biết ánh sáng – Nguồn sáng và vật sáng

- Ta nhận biết được ánh sáng khi có ánh sáng truyền vào mắt ta.
- Ta nhìn thấy một vật khi có ánh sáng truyền từ vật vào mắt ta.
- Nguồn sáng là vật tự nó phát ra ánh sáng. Vật sáng gồm nguồn sáng và những vật hắt lại ánh sáng chiếu vào nó.

**Chú ý:** Vật đen là vật không tự phát ra ánh sáng và cũng không hắt lại ánh sáng chiếu vào nó.

2. Sự truyền ánh sáng

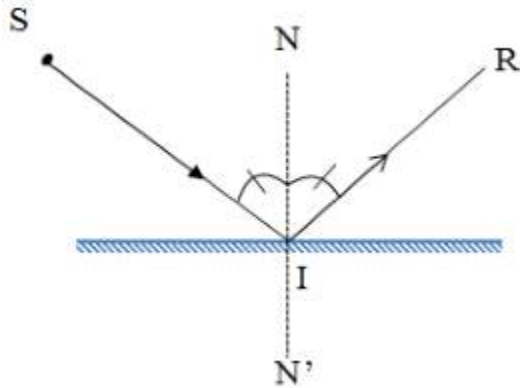
- Định luật truyền thẳng của ánh sáng:  
*Trong môi trường trong suốt và đồng tính, ánh sáng truyền đi theo đường thẳng.*
- Đường truyền của ánh sáng được biểu diễn bằng một đường thẳng có mũi tên chỉ hướng gọi là tia sáng.



- Có 3 loại chùm sáng:
  - + Chùm sáng giao nhau  $\Rightarrow$  chùm sáng hội tụ
  - + Chùm sáng không giao nhau  $\Rightarrow$  chùm sáng song song
  - + Chùm sáng loe rộng ra  $\Rightarrow$  chùm sáng phân kì
- 3. Ứng dụng định luật truyền thẳng của ánh sáng
  - Bóng tối nằm ở phía sau vật cản, không nhận được ánh sáng từ nguồn sáng truyền tới.
  - Bóng nửa tối nằm ở phía sau vật cản, chỉ nhận được một phần ánh sáng từ nguồn sáng truyền tới.
    - Nhật thực xảy ra khi Trái Đất bị Mặt Trăng che khuất không được Mặt Trời chiếu sáng. Nhật thực toàn phần (hay một phần) quan sát được ở chỗ có bóng tối (hay bóng nửa tối) của Mặt Trăng trên Trái Đất.
    - Nguyệt thực xảy ra khi Mặt Trăng bị Trái Đất che khuất không được Mặt Trời chiếu sáng.
- 4. Định luật phản xạ ánh sáng
  - Hình của một vật quan sát được trong gương gọi là ảnh của vật tạo bởi gương.

- Hiện tượng phản xạ ánh sáng là hiện tượng ánh sáng bị hắt trở lại khi gặp một bề mặt nhẵn bóng.

- Định luật phản xạ ánh sáng:



+ Tia phản xạ nằm trong mặt phẳng chứa tia tới và pháp tuyến của gương tại điểm tới.

+ Góc phản xạ bằng góc tới.

#### 5. Ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng

- Ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng không hứng được trên màn chắn gọi là ảnh ảo.

- Ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng lớn bằng vật.

- Khoảng cách từ một điểm của vật đến gương bằng khoảng cách từ ảnh của điểm đó đến gương.

#### **Chú ý:**

+ Ảnh của vật là tập hợp ảnh của tất cả các điểm trên vật.

+ Các tia sáng từ điểm sáng S tới gương phẳng cho tia phản xạ có đường kéo dài đi qua ảnh ảo S'.

#### 6. Gương cầu lồi

- Gương cầu lồi là một phần mặt cầu, phản xạ tốt ánh sáng, có mặt phản xạ nằm phía ngoài mặt cầu.

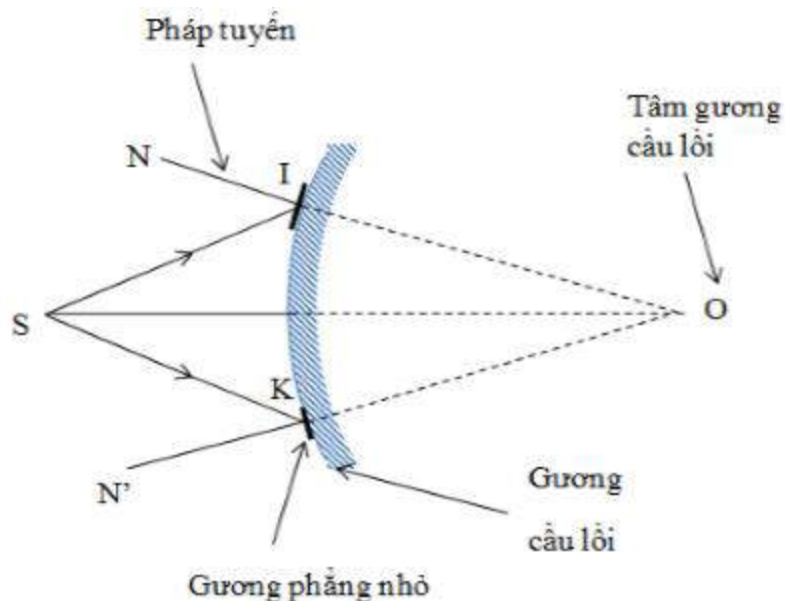
- Ảnh tạo bởi gương cầu lồi là ảnh ảo, nhỏ hơn vật.

- Vùng nhìn thấy của gương cầu lồi rộng hơn vùng nhìn thấy của gương phẳng có cùng kích thước.

#### **Lưu ý:**

+ Pháp tuyến tại mỗi điểm tới trên gương cầu lồi có đường kéo dài đi qua tâm mặt cầu (Hình 2.3).

+ Mỗi điểm trên gương cầu lồi được coi như gương phẳng nhỏ. Do đó có thể áp dụng định luật phản xạ ánh sáng tại mỗi điểm trên gương cầu lồi để vẽ tia phản xạ tương ứng với mỗi tia tới.



Hình 2.3

### 7. Gương cầu lõm

- Gương cầu lõm là một phần mặt cầu, phản xạ tốt ánh sáng, có mặt phản xạ nằm phía trong mặt cầu.

- Tác dụng của gương cầu lõm:

+ Gương cầu lõm có tác dụng biến đổi một chùm tia tới song song thành một chùm tia phản xạ hội tụ tại một điểm.

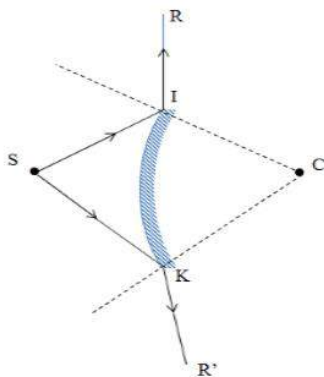
+ Gương cầu lõm có tác dụng biến đổi một chùm tia tới phân kì thích hợp thành một chùm tia phản xạ song song.

- Ảnh tạo bởi gương cầu lõm có thể là ảnh thật hoặc ảnh ảo tùy theo vị trí của vật đối với gương.

Ảnh ảo  $\Rightarrow$  Cùng chiều với vật

Ảnh thật  $\Rightarrow$  Ngược chiều với vật

**Lưu ý:** Pháp tuyến tại mỗi điểm tới trên gương cầu lõm cũng có đường kéo dài đi qua tâm mặt cầu (hình vẽ)



## BÀI TẬP

**Bài 1:** Đứng trên trái Đất, trường hợp nào dưới đây ta thấy có nguyệt thực?

- A. Ban đêm, khi ta đứng không nhận được ánh sáng từ Mặt Trời.
- B. Ban đêm, khi Mặt Trăng không nhận được ánh sáng từ Mặt Trời vì bị Trái Đất che khuất.
- C. Khi Mặt Trời che khuất Mặt Trăng, không cho ánh sáng từ Mặt Trăng tới Trái Đất.
- D. Ban ngày, khi Trái Đất che khuất Mặt Trăng.

### **Hiện thị đáp án**

Nguyệt thực là hiện tượng Trái Đất che khuất ánh sáng từ Mặt Trời chiếu đến Mặt Trăng. Do đó, khi đứng trên Trái Đất vào ban đêm mới có thể thấy được nguyệt thực.

⇒ Đáp án B đúng

**Bài 2:** Trong các phòng mổ ở bệnh viện, người ta thường dùng một hệ thống gồm nhiều đèn mà không dùng một bóng đèn lớn. Mục đích chính của việc này là gì?

- A. Dùng nhiều đèn để thu được ánh sáng mạnh phát ra từ những bóng đèn.
- B. Dùng nhiều đèn để phòng khi có bóng bị cháy.
- C. Dùng nhiều đèn để tránh hiện tượng xuất hiện các bóng đen.
- D. Dùng nhiều đèn để không bị chói mắt.

### **Hiện thị đáp án**

Dùng nhiều đèn để tránh hiện tượng xuất hiện bóng tối và bóng nửa tối.

⇒ Đáp án C đúng

**Bài 3:** Để giải thích hiện tượng nhật thực, nguyệt thực người ta dựa vào:

- A. Định luật truyền thẳng của ánh sáng.
- B. Định luật phản xạ ánh sáng.
- C. Định luật khúc xạ ánh sáng.
- D. Cả A, B và C.

### **Hiện thị đáp án**

Để giải thích hiện tượng nhật thực, nguyệt thực người ta dựa vào định luật phản xạ ánh sáng ⇒ Đáp án A đúng.

**Bài 4:** Câu trả lời nào dưới đây là **sai**

Địa phương Y có nhật thực một phần khi địa phương đó:

- A. nằm trong vùng bóng nửa tối của Mặt Trăng. Ở đó người ta chỉ nhìn thấy một phần Mặt Trời.
- B. chỉ thấy một phần Mặt Trăng.
- C. chỉ thấy một phần Mặt Trời.
- D. bị Mặt Trăng chắn một phần ánh sáng từ Mặt Trời truyền tới.

### **Hiện thị đáp án**

Địa phương Y có nhật thực một phần khi ở đó người ta chỉ nhìn thấy một phần Mặt Trời, một phần còn lại bị Mặt Trăng che khuất ⇒ Chọn đáp án B

**Bài 5:** Một nguồn sáng điểm (nguồn sáng rất nhỏ) chiếu vào một vật chắn sáng. Phía sau vật là:

- A. Bóng tối
- B. Bóng nửa tối
- C. Cả bóng tối lẫn bóng nửa tối.
- D. Bóng tối và bóng nửa tối xen kẽ nhau

**Hiện thị đáp án**

Nguồn sáng hẹp (hay nhỏ)  $\Rightarrow$  bóng tối

Nguồn sáng rộng (hay lớn)  $\Rightarrow$  bóng tối và bóng nửa tối

$\Rightarrow$  Đáp án A đúng.

**Bài 6:** Trên bức tường ngăn cách hai phòng Quang và Dũng có một lỗ thông nhỏ. Ban đêm, phòng của Quang đóng kín, không bật đèn. Trường hợp nào sau đây mắt của Quang nhận biết được có ánh sáng?

- A. Đèn phòng Dũng không được bật sáng.
- B. Đèn phòng Dũng được bật sáng.
- C. Đèn phòng Dũng sáng, Dũng lấy tờ bìa che kín lỗ nhỏ.
- D. Đèn phòng Dũng sáng, lỗ nhỏ không bị che nhưng Quang nhắm kín hai mắt.

**Hiện thị đáp án**

- Đèn phòng Dũng không được bật sáng  $\Rightarrow$  không có ánh sáng từ lỗ thông nhỏ truyền đến mắt  $\Rightarrow$  mắt không nhận biết được ánh sáng.

- Đèn phòng Dũng sáng, Dũng lấy tờ bìa che kín lỗ nhỏ  $\Rightarrow$  ánh sáng bị vật cản che khuất  $\Rightarrow$  mắt không nhận biết được ánh sáng.

- Đèn phòng Dũng sáng, lỗ nhỏ không bị che nhưng hai mắt không mở  $\Rightarrow$  không có ánh sáng truyền đến mắt  $\Rightarrow$  mắt không nhận biết được ánh sáng.

- Đèn phòng Dũng được bật sáng  $\Rightarrow$  có ánh sáng truyền đến mắt  $\Rightarrow$  mắt nhận biết được ánh sáng  $\Rightarrow$  Đáp án B đúng.

**Bài 7:** Nguồn sáng là vật có đặc điểm nào sau đây?

- A. Hắt lại ánh sáng chiếu đến nó
- B. Để ánh sáng truyền qua nó
- C. Tự nó phát ra ánh sáng
- D. Truyền ánh sáng đến mắt ta

**Hiện thị đáp án**

Nguồn sáng có đặc điểm là nó tự phát ra ánh sáng  $\Rightarrow$  Chọn đáp án C

**Bài 8:** Để nhìn thấy một vật thì:

- A. Vật ấy phải được chiếu sáng
- B. Vật ấy phải là nguồn sáng
- C. Phải có các tia sáng đi từ vật đến mắt.
- D. Vật vừa là nguồn sáng, vừa là vật được chiếu sáng.

**Hiện thị đáp án**

**Bài 9:** Vật nào dưới đây được xem là nguồn sáng?

- A. Ngọn nến đang cháy
- B. Bóng đèn bị cháy dây tóc
- C. Mặt Trăng
- D. Chiếc đàn ghi ta

### Hiện thị đáp án

**Bài 10:** Chùm ánh sáng phát ra từ một đèn pin là chùm tia:

- A. Hội tụ      B. Song song
- C. Không song song, hội tụ, phân kì      D. Phân kì

### Hiện thị đáp án

Chùm ánh sáng phát ra từ đèn pin càng ngày càng loe rộng ra nên là chùm tia phân kì.

⇒ Đáp án D đúng

**Bài 11:** Trong một môi trường trong suốt nhưng không đồng tính thì ánh sáng:

- A. luôn truyền theo đường thẳng
- B. luôn truyền theo một đường cong
- C. luôn truyền theo đường gấp khúc
- D. có thể truyền theo đường cong hoặc đường gấp khúc

### Hiện thị đáp án

Trong một môi trường trong suốt nhưng không đồng tính thì ánh sáng có thể truyền theo đường cong hoặc đường gấp khúc ⇒ Đáp án D đúng

**Bài 12:** Chọn câu trả lời **sai**

Định luật về sự truyền thẳng của ánh sáng được ứng dụng trong các trường hợp nào dưới đây?

- A. Kiểm tra đội ngũ bằng cách ngắm xem hàng dọc, hàng ngang đã thẳng chưa.
- B. Kẻ đường thẳng trên giấy.
- C. Để ngắm đường thẳng trên mặt đất, dùng các cọc tiêu (ngành đo đạc).
- D. Để tạo ảnh trong bóng tối.

### Hiện thị đáp án

Kẻ đường thẳng trên giấy chỉ cần dùng thước, không cần sử dụng đến định luật về sự truyền thẳng của ánh sáng ⇒ Chọn đáp án B.

**Bài 13:** Dùng ống rỗng, cong để quan sát thì không thấy dây tóc bóng đèn pin phát sáng vì:

- A. ánh sáng từ dây tóc không truyền đi theo ống cong.
- B. ánh sáng phát ra từ mắt ta không đến được bóng đèn.
- C. ánh sáng từ dây tóc bóng đèn truyền đi theo đường thẳng mà ống rỗng lại cong.
- D. ánh sáng phát ra từ dây tóc chỉ truyền bên ngoài ống.

### Hiện thị đáp án

Dùng ống rỗng, cong để quan sát thì không thấy dây tóc bóng đèn pin phát sáng vì ánh sáng từ dây tóc bóng đèn truyền đi theo đường thẳng mà ống rỗng lại cong ⇒ ánh sáng không truyền được đến mắt ⇒ Chọn đáp án C.

**Bài 14:** Nội dung định luật truyền thẳng của ánh sáng là:

- A. Trong mọi môi trường ánh sáng truyền theo một đường thẳng.
- B. Trong môi trường trong suốt và đồng tính ánh sáng truyền theo đường thẳng.

C. Trong các môi trường khác nhau, đường truyền của ánh sáng có hình dạng khác nhau.

D. Khi truyền từ môi trường này sang môi trường khác, ánh sáng truyền theo một đường thẳng.

### Hiển thị đáp án

Trong môi trường trong suốt và đồng tính ánh sáng truyền theo đường thẳng  
⇒ Chọn đáp án B

**Bài 15:** Phát biểu nào là sai trong các phát biểu sau đây khi nói về chùm sáng song song?

- A. Trong chùm sáng song song, các tia sáng không thể xuất phát từ một điểm.
- B. Trong chùm sáng song song, các tia sáng không giao nhau.
- C. Trong chùm sáng song song, các tia sáng luôn song song với nhau.
- D. Trong chùm sáng song song, các tia sáng luôn vuông góc với nhau.

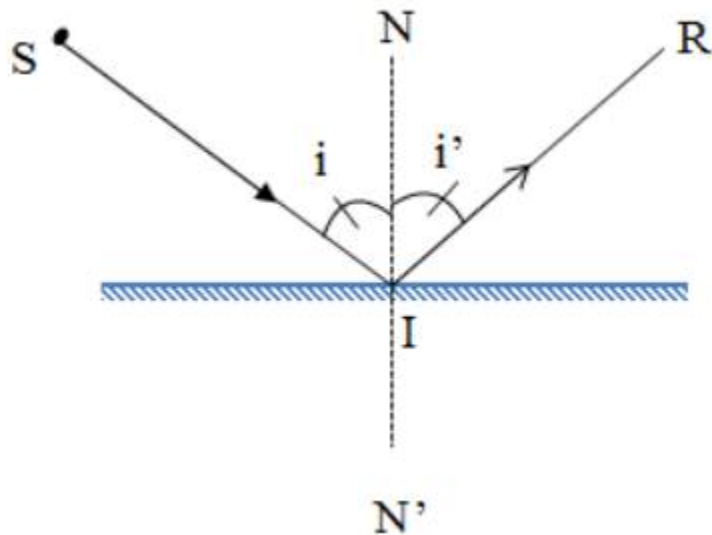
### Hiển thị đáp án

Chùm sáng song song ⇒ Các tia sáng không giao nhau ⇒ Các tia sáng không xuất phát từ một điểm ⇒ Chọn đáp án D.

**Bài 16:** Chiếu một tia tới lên một gương phẳng. Biết góc phản xạ  $i' = 15^\circ$ . Góc tạo bởi tia tới và tia phản xạ là:

- A.  $30^\circ$
- B.  $45^\circ$
- C.  $60^\circ$
- D.  $15^\circ$

### Hiển thị đáp án



- Theo định luật phản xạ ánh sáng:

$$\widehat{NIR} = \widehat{SIN} = 15^\circ$$

- Góc tạo bởi tia tới và tia phản xạ là góc SIR

Ta có:

$$\widehat{SIR} = \widehat{SIN} + \widehat{NIR} = 15^\circ + 15^\circ = 30^\circ$$

- Vậy góc tạo bởi tia tới và tia phản xạ bằng  $30^0$ .  
⇒ Đáp án A đúng

**HẾT**

GV hướng dẫn : HUỲNH THỊ KIM TRÚC

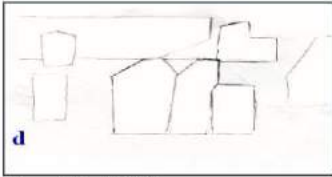
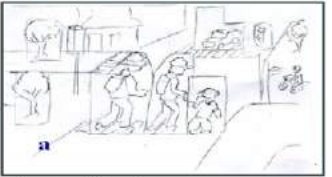



SĐT :0909095944

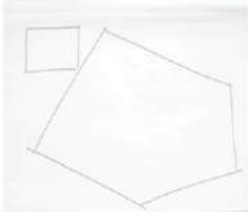



MAIL: truchuynhthikim@yahoo.com

THCS TRẦN QUỐC TUẤN

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN MĨ THUẬT 7  
(Tuần 7,8,9)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p><b>CHỦ ĐỀ : SẮC MÀU CUỘC SỐNG</b> <b>Bài 31: Vẽ tranh - Đề tài an toàn giao thông</b></p>	<p><b>GHI CHÚ</b> <b>TUẦN 7- 8</b></p>
<p><b>Hoạt động 1: <u>Tìm và chọn nội dung đề tài.</u></b></p> <p>- Ta có thể vẽ được nhiều tranh về đề tài này như: Tham gia giao thông đúng quy định, tuyên truyền luật giao thông, các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ công trình giao thông công cộng, ước mơ về một hệ thống giao thông hiện đại...</p> <p>- Hình minh họa các phương tiện giao thông:</p> 	
<p><b>Một số hệ thống báo hiệu giao thông</b></p>  <p><b>Người điều khiển giao thông</b></p>  <p><b>Đèn tín hiệu giao thông</b></p>  <p><b>Vạch kẻ đường</b></p>  <p><b>Biển báo cấm</b></p> 	<p><b>Một số hành vi, vi phạm luật giao thông</b></p> 

<p><b>Hoạt động 2: Cách vẽ.</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <u>Tìm bố cục</u>: phác mảng chính phụ</li> <li>2. <u>Vẽ phác hình</u></li> <li>3. <u>Vẽ chi tiết</u></li> <li>4. <u>Vẽ màu</u></li> </ol>	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>1-d: Phác mảng hình chính, phụ</p>  <p>d</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>2-a: Vẽ phác hình</p>  <p>a</p> </div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>3-b: Vẽ chi tiết</p>  <p>b</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>4-c: Vẽ màu</p>  <p>c</p> </div> </div>
<p><b>NỘI DUNG</b></p>	<p><b>GHI CHÚ</b></p>
<p><b>CHỦ ĐỀ : SẮC MÀU CUỘC SỐNG</b>  <b>Bài 11: Vẽ Tranh Đề Tài</b>  <b>Cuộc Sống Xung Quanh Em</b></p>	<p><b>TUẦN 9</b></p>
<p><b>Hoạt động 1: <u>Tìm và chọn nội dung đề tài.</u></b></p> <p>Hàng ngày có rất nhiều những hoạt động diễn ra xung quanh chúng ta.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đây là một bài vẽ tranh đề tài có nội dung phong phú, phản ánh cuộc sống của con người và thiên nhiên.</li> <li>- Để có một bức tranh đẹp ta cần các yếu tố sau:</li> <li>- Chọn được nội dung mình yêu thích nhất</li> <li>- Tranh có mảng chính, mảng phụ rõ ràng</li> <li>- Hình vẽ đẹp, sinh động</li> <li>- Màu sắc rực rỡ, tươi vui, gam màu ấm nóng</li> </ul> <p>*Vd:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày Nhà giáo Việt Nam</li> <li>- Tham quan, cắm trại</li> <li>- Biện đổi khí hậu</li> <li>- Môi trường.</li> <li>- An toàn giao thông</li> <li>- Hòa bình thế giới</li> <li>- Ước mơ của em...</li> </ul> <p>-Sau khi chọn được nội dung cần xác định rõ hình ảnh chính, phụ nêu bật nội dung của đề tài</p>	

<p>-Hình ảnh chính thường đặt ở trọng tâm của tranh,vừa phải,không quá lớn và cũng không quá nhỏ. -Hình ảnh phụ ở xung quanh,bổ trợ cho hình ảnh chính</p>	
<p><b>Hoạt động 2: Cách vẽ.</b></p> <p>1.Tìm bố cục: phác mảng chính phụ</p> <p>2.Vẽ phác hình bằng những nét khái quát.</p> <p>3.Vẽ chi tiết .</p> <p>4.Vẽ màu</p>	<p>- B1: Tìm bố cục (phân mảng chính phụ)      - B3: Vẽ chi tiết</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;">  <p>1</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>3</p> </div> </div> <p>- B2: Vẽ hình bằng những nét khái quát      - B4: Vẽ màu</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;">  <p>2</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>4</p> </div> </div>

**Hoạt động 3: luyện tập, vận dụng:**

- Tuần 7 và 8:** Vẽ tranh – đề tài: An toàn giao thông.
- Tuần 9 :** Vẽ tranh – đề tài cuộc sống xung quanh em.

## CHẠY CỰ LI NGẮN

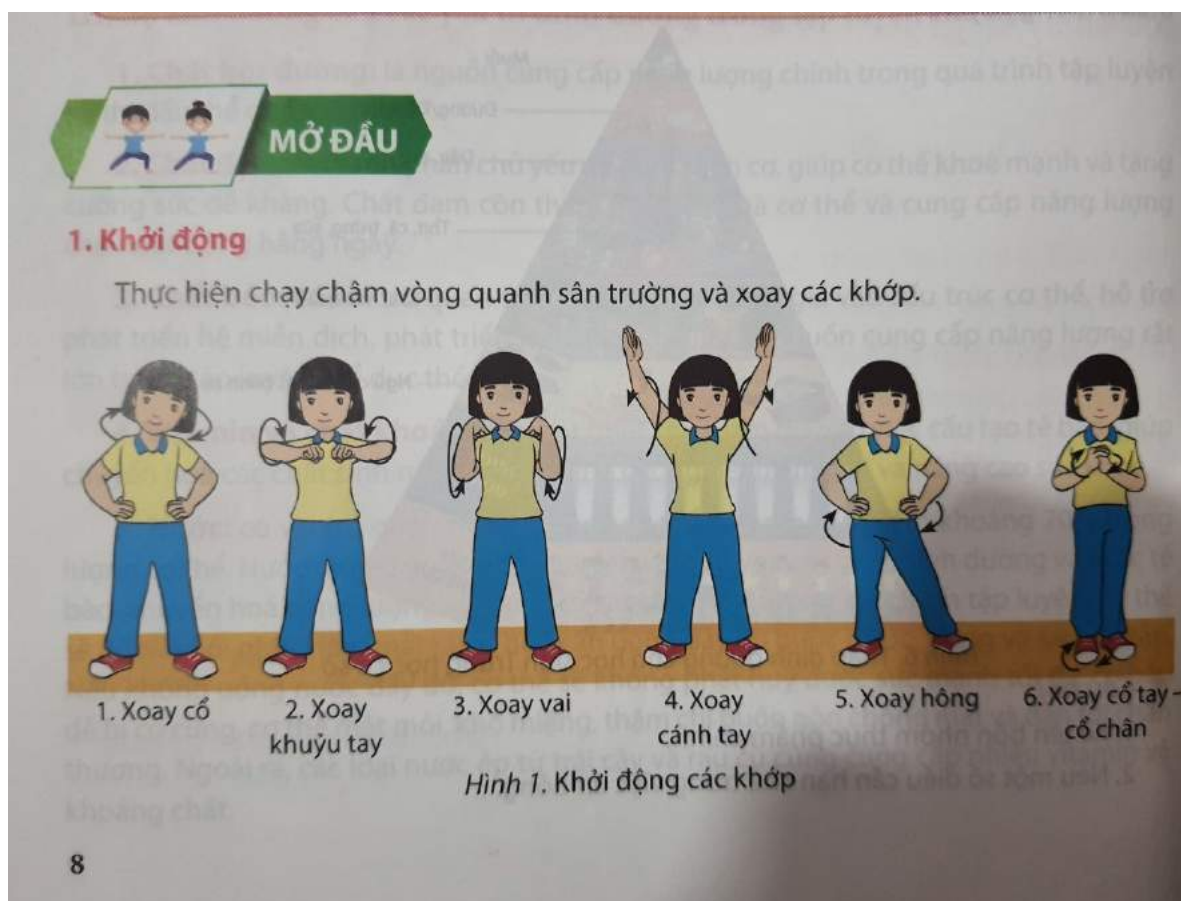
### I. Mục tiêu

- Hướng dẫn được học sinh ôn lại các kĩ thuật đã học trong nội dung chạy cự li ngắn 60m, từ đó góp phần hình thành thành phần năng lực vận động cơ bản.
- Học mới kĩ thuật về đích và các điều luật cơ bản trong chạy cự li ngắn.
- Đảm bảo học sinh tự giác tích cực trong tập luyện.

### II. Hoạt động mở đầu

#### Khởi động

Thực hiện xoay các khớp: xoay cổ; xoay khuỷu tay; xoay vai; xoay cánh tay; xoay hông; xoay cổ tay cổ chân.



- Thực hiện động tác căng cơ: căng cơ tay vai trước, căng cơ tay vai sau...

### III. Hoạt động hình thành kiến thức

- Ôn lại kĩ thuật xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát trong chạy ngắn.

- Học mới kĩ thuật về đích và một số điều luật cơ bản.

#### 1. Kĩ thuật về đích

Khi cách đích khoảng 15 – 20 m cần tập trung hết sức lực để duy trì tốc độ. Ở bước chạy cuối cùng, chủ động gập thân trên ra trước hoặc kết hợp vừa gập thân trên ra trước và xoay vai để chạm đích. Khi chạy qua đích giảm dần tốc độ, không dừng lại đột ngột.



Hình 2. Kĩ thuật về đích

#### 2. Một số điều luật cơ bản trong chạy cự li ngắn

- Vận động viên xuất phát trước khi có hiệu lệnh “Chạy!” sẽ bị phạm quy.
- Ở các nội dung chạy ngắn (từ 400 m trở xuống), vận động viên phải chạy theo ô và không được lấn sang ô của vận động viên khác.
- Thời gian chạy được tính bắt đầu từ lúc có hiệu lệnh của trọng tài cho đến khi vượt qua vạch đích.

### IV. Hoạt động tập luyện.

- Học sinh ôn lại kĩ thuật xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát trong nội dung chạy ngắn từ chậm đến nhanh và học mới kĩ thuật về đích và một số điều luật cơ bản; từ đó rèn luyện năng lực tự học, tự chủ.

#### 1. Luyện tập cá nhân

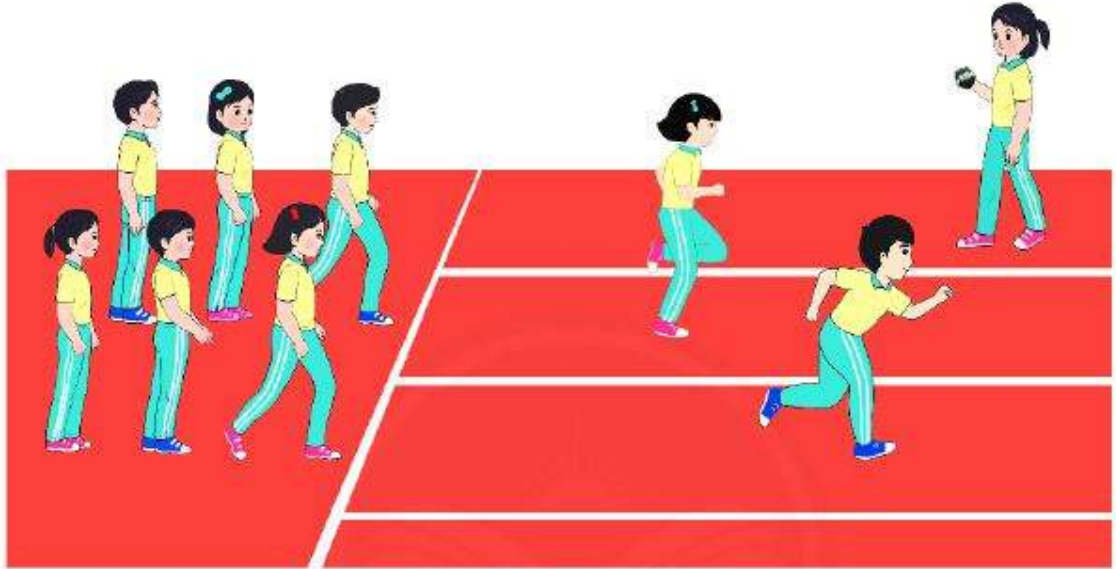
Thực hiện các động tác tại chỗ, di chuyển chậm và nhanh dần. Cự li thực hiện 5 – 10 m.

- Luyện tập kĩ thuật về đích.
- Phối hợp luyện tập kĩ thuật xuất phát và về đích.

## 2. Luyện tập theo nhóm hoặc theo lớp

Thực hiện chạy cự li ngắn với tốc độ chậm và nhanh dần theo các hiệu lệnh. Cự li thực hiện 60 m. Người chỉ huy điều khiển tập luyện và các bạn trong nhóm góp ý cho nhau.

- Luyện tập kĩ thuật về đích.
- Luyện tập toàn bộ kĩ thuật chạy cự li ngắn.



Hình 3. Đội hình luyện tập chạy cự li ngắn 60 m

## V. Vận dụng

Học sinh thực hiện bài tập của bài chạy ngắn trong sách giáo khoa .

# NHỮNG ĐIỀU EM CẦN BIẾT ?

Trường THCS Trần Quốc Tuấn

Lớp:.....

Họ tên học sinh:.....

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Thể Dục	1).....	1.....
	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....
	.....	2.....
	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....
	.....	3.....
	.....	.....
	.....	.....

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**  
**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**  
**TRẦN QUỐC TUẤN**

**PHIẾU HỌC TẬP- Tuần 9**

**Môn : TOÁN 7**

**PHẦN I : ĐẠI SỐ**

**LÝ THUYẾT VÀ BÀI TẬP**

**BÀI 10: LÀM TRÒN SỐ**

**A. Lý thuyết**

**1. Quy ước làm tròn số**

+ Nếu chữ số đầu tiên trong các chữ số bị bỏ đi nhỏ hơn 5 thì ta giữ nguyên bộ phận còn lại. Trong trường hợp số nguyên thì ta thay các chữ số bỏ đi bằng chữ số 0.

+ Nếu chữ số đầu tiên trong các chữ số bị bỏ đi lớn hơn hoặc bằng 5 thì ta cộng thêm 1 vào chữ số cuối cùng của bộ phận còn lại. Trong trường hợp số nguyên thì ta thay các chữ số bỏ đi bằng chữ số 0.

**2. Ví dụ**

+ Ta có  $84,149 \approx 84,1$  (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất)

+ Ta có  $542 \approx 540$  (làm tròn đến chữ số hàng chục)

+ Ta có  $0,0861 \approx 0,09$  (làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai)

+ Ta có  $1573 \approx 1600$  (làm tròn đến chữ số hàng trăm)

**Ví dụ 1:** Làm tròn các số sau đây

a) Tròn chục: 2347,5; 123,7

b) Tròn trăm: 157426; 23782,23

c) Tròn nghìn: 1573216; 7236524

**Hướng dẫn giải:**

a) Ta có:  $2347,5 \approx 2350$ ;  $123,7 \approx 120$

b) Ta có:  $157426 \approx 157400$ ;  $23782,23 \approx 23800$

c) Ta có:  $1573216 \approx 1573000$ ;  $7236524 \approx 7237000$

**Ví dụ 2:** Thực hiện phép tính trên rồi làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất

a)  $8,04 + 2,2239$

b)  $2710,31 - 1518,0394$

c)  $52,48 \cdot 16,3$

d)  $824,06 : 132,022$

**Hướng dẫn giải:**

a) Ta có:  $8,04 + 2,2239 = 10,2639$

Kết quả được làm tròn là 10,3

b) Ta có:  $2710,31 - 1518,0394 = 1192,2706$

Kết quả được làm tròn là 1192,3

c) Ta có:  $52,48 \cdot 16,3 = 855,424$

Kết quả được làm tròn là 855,4

d) Ta có:  $824,06 : 132,022 = 6,2418\dots$

Kết quả được làm tròn là 6,2

**B. Bài tập**

**Bài 1:** Viết các số sau dưới dạng số thập phân gần đúng, chính xác đến hai chữ số thập phân, ba chữ số thập phân

a)  $2\frac{2}{3}$       b)  $4\frac{3}{7}$       c)  $5\frac{3}{11}$

**Hướng dẫn giải:**

a) Ta có:  $2\frac{2}{3} = \frac{8}{3} = 2,(6)$

+ Chính xác đến hai chữ số thập phân là: 2,67

+ Chính xác đến ba chữ số thập phân là: 2,667

b) Ta có:  $4\frac{3}{7} = \frac{31}{7} = 4,(428571)$

+ Chính xác đến hai chữ số thập phân là: 4,43

+ Chính xác đến ba chữ số thập phân là: 4,429

c) Ta có:  $5\frac{3}{11} = \frac{58}{11} = 5,(27)$

+ Chính xác đến hai chữ số thập phân là: 5,27

+ Chính xác đến ba chữ số thập phân là: 5,273

**Bài 2:** Tìm x gần đúng chính xác đến hai chữ số thập phân:  $0,875x = \frac{3}{4} + 2\frac{5}{8}$

**Hướng dẫn giải:**

Ta có:  $0,875x = \frac{3}{4} + 2\frac{5}{8}$

$$x = \left(\frac{3}{4} + 2\frac{5}{8}\right) : 0,875 = \left(\frac{6}{8} + 2\frac{5}{8}\right) : 0,875$$

$$= \left(\frac{6}{8} + 2\frac{5}{8}\right) : \frac{7}{8} = 2\frac{11}{8} \cdot \frac{8}{7} = \frac{27}{8} \cdot \frac{8}{7}$$

$$= \frac{27}{7} \approx 3,86$$

Vậy giá trị gần đúng chính xác đến hai chữ số thập phân của x là  $x \approx 3,86$

PHẦN II HÌNH HỌC

CHƯƠNG II

BÀI 2 : HAI TAM GIÁC BẰNG NHAU

**A.Lý thuyết :**

**1. Định nghĩa**

Hai tam giác bằng nhau là hai tam giác có các cạnh tương ứng bằng nhau, các góc tương ứng bằng nhau.

**2. Kí hiệu**

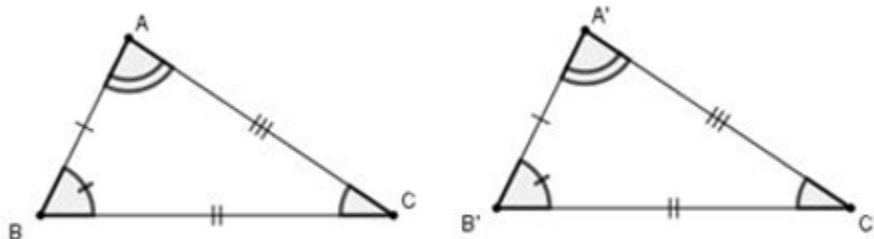
Để kí hiệu sự bằng nhau của tam giác ABC và tam giác A'B'C' ta viết  $\Delta ABC = \Delta A'B'C'$

Người ta quy ước rằng khi kí hiệu sự bằng nhau của hai tam giác, các chữ cái chỉ tên các đỉnh tương ứng được viết theo cùng thứ tự.

**Ví dụ:**

$$\Delta ABC = \Delta A'B'C' \Leftrightarrow \begin{cases} \widehat{A} = \widehat{A'} \\ \widehat{B} = \widehat{B'} \\ \widehat{C} = \widehat{C'} \\ AB = A'B' \\ AC = A'C' \\ BC = B'C' \end{cases}$$

Trong đó A, A' là hai đỉnh tương ứng, AB, A'B' là hai cạnh tương ứng,  $\angle A, \angle A'$  là hai góc tương ứng.



#### 4. Ví dụ

**Ví dụ 1:** Cho  $\Delta ABC = \Delta DMN$

a) Viết đẳng thức trên dưới một vài dạng khác

b) Cho  $AB = 3\text{cm}$ ,  $AC = 4\text{cm}$ ,  $MN = 5\text{cm}$ . Tính chu vi của mỗi tam giác nói trên.  
Có nhận xét gì?

**Hướng dẫn giải:**

a) Viết đẳng thức  $\Delta ABC = \Delta DMN$  dưới một vài dạng khác

$$\Delta ACB = \Delta DNM, \Delta BAC = \Delta MDN, \Delta BCA = \Delta MND$$

$$\Delta CAB = \Delta NDM, \Delta CBA = \Delta NMD$$

$$\text{b) Vì } \Delta ABC = \Delta DMN \Rightarrow \begin{cases} AB = DM = 3\text{cm} \\ AC = DN = 4\text{cm} \\ BC = MN = 5\text{cm} \end{cases}$$

Chu vi  $\Delta ABC$  là

$$AB + BC + CA = 3 + 4 + 5 = 12(\text{cm})$$

Chu vi  $\Delta DMN$  là

$$DM + MN + ND = 3 + 4 + 5 = 12(\text{cm})$$

Nhận xét: Hai tam giác bằng nhau có chu vi bằng nhau

**Ví dụ 2:** Cho  $\Delta ABC = \Delta MNO$ . Biết  $\hat{A} \cong 55^\circ$ ,  $\hat{N} \cong 75^\circ$  tính các góc còn lại của mỗi tam giác?

**Hướng dẫn giải:**

Ta có:

$$\Delta ABC = \Delta MNO \Rightarrow \begin{cases} \widehat{A} = \widehat{M} = 55^\circ \\ \widehat{B} = \widehat{N} = 75^\circ \end{cases}$$

Mặt khác ta có:

$$\begin{aligned} \widehat{C} &= 180^\circ - (\widehat{A} + \widehat{B}) \\ &= 180^\circ - (55^\circ + 75^\circ) = 180^\circ - 130^\circ = 50^\circ \end{aligned}$$

Khi đó:  $\widehat{C} = \widehat{O} = 50^\circ$

**Ví dụ 3:** Cho  $\Delta ABC = \Delta DEF$

a) Biết  $\widehat{A} \approx 20^\circ$ ,  $\widehat{C} \approx 60^\circ$ ,  $\widehat{E} \approx 100^\circ$

Tính số đo các góc của lại của mỗi tam giác

b) Biết  $DF = 5\text{cm}$  có thể tìm độ dài các cạnh của tam giác ABC không?

**Hướng dẫn giải:**

$$\text{a) Ta có: } \Delta ABC = \Delta DEF \Rightarrow \begin{cases} \widehat{A} = \widehat{D} = 20^\circ \\ \widehat{C} = \widehat{F} = 60^\circ \\ \widehat{B} = \widehat{E} = 100^\circ \end{cases}$$

b) Ta có:  $\Delta ABC = \Delta DEF \Rightarrow AC = DF = 5\text{cm}$

Vậy ta chỉ được độ dài một cạnh của tam giác ABC là  $AC = 5\text{cm}$

**B. Bài tập**

**Bài 1:** Cho tam giác ABC có chu vi bằng 21cm. Độ dài ba cạnh của tam giác là ba số lẻ liên tiếp và  $AB < BC < AC$ . Tìm độ dài các cạnh của tam giác PQR biết tam giác ABC bằng tam giác PQR.

**Hướng dẫn giải:**

Gọi độ dài cạnh AB là  $2n - 1$  thì độ dài cạnh BC là  $2n + 1$  và độ dài cạnh AC là  $2n + 3$

Theo bài ra ta có:  $AB + BC + AC = 21 \Rightarrow (2n - 1) + (2n + 1) + (2n + 3) = 21$

$\Rightarrow 6n = 18 \Leftrightarrow n = 3$

Do đó, ta có:  $AB = 5\text{cm}$ ,  $BC = 7\text{cm}$ ,  $AC = 9\text{cm}$

Theo giả thiết ta lại có:  $\Delta ABC = \Delta PQR$  nên  $AB = PQ = 5\text{cm}$ ,  $BC = QR = 7\text{cm}$ ,  $AC = PR = 9\text{cm}$

Vậy  $PQ = 5\text{cm}$ ,  $QR = 7\text{cm}$ ,  $PR = 9\text{cm}$

**Bài 2 :** Cho tam giác ABC có M thuộc cạnh BC sao cho  $\Delta AMB = \Delta AMC$ . Chứng minh rằng:

- a) M là trung điểm của BC
- b) AM là tia phân giác của góc A
- c)  $AM \perp BC$

**Hướng dẫn giải:**

a) Vì  $\Delta AMB = \Delta AMC$  nên ta có:  $MB = MC$

Mà M nằm giữa B và C

$\Rightarrow$  M là trung điểm của cạnh BC

b) Vì  $\triangle AMB = \triangle AMC$  nên ta có:  $\widehat{MAB} = \widehat{MAC}$

$$\text{Mà } \widehat{MAB} + \widehat{MAC} = \widehat{A} \Rightarrow \widehat{MAB} = \widehat{MAC} = \frac{1}{2} \widehat{BAC}$$

Ta lại có tia AM nằm giữa hai tia AB và AC nên tia AM là tia phân giác của góc  $\angle BAC$

c) Vì  $\triangle AMB = \triangle AMC$  nên ta có:  $\angle AMB = \angle AMC$

$$\text{Mà M thuộc tia BC nên } \widehat{AMB} + \widehat{AMC} = 180^\circ \Rightarrow \widehat{AMB} = \widehat{AMC} = 90^\circ$$

Hay  $AM \perp BC$  (đpcm)

Bài : 10 ; 11 ; 12 ; 13 SGK Toán 7 tập 1 tr111,112

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**  
**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**  
**TRẦN QUỐC TUẤN**

**PHIẾU HỌC TẬP- Tuần 8**

**Môn : TOÁN 7**

**PHẦN I : ĐẠI SỐ**

**LÝ THUYẾT VÀ BÀI TẬP**

**BÀI 9 : SỐ THẬP PHÂN HỮU HẠN .**

**SỐ THẬP PHÂN VÔ HẠN TUẦN HOÀN**

**A.Lý thuyết**

**1. Số thập phân hữu hạn**

Nếu một phân số tối giản với mẫu dương mà mẫu không có ước nguyên tố khác 2 và 5 thì phân số đó viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn.

Ví dụ:  $\frac{1}{4} = 0,25; \frac{13}{50} = 0,26; \dots$

+ Phân số  $-6/75$  viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn vì:  $\frac{-6}{75} = \frac{-2}{25}$  mẫu số  $25 = 5^2$  không có ước nguyên tố khác 2 và 5.

Ta có :  $\frac{-6}{75} = -0.08$

**2. Số thập phân vô hạn tuần hoàn**

Nếu một phân số tối giản với mẫu dương mà mẫu có ước nguyên tố khác 2 và 5 thì phân số đó viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn.

Ví dụ:  $-\frac{5}{6} = -0,8(3); \frac{1}{9} = 0,(1); \dots$

+ Phân số  $7/30$  được viết dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn vì mẫu  $30 = 2.3.5$  có ước nguyên tố là 3 khác 2 và 5.

**3. Chú ý**

Mỗi số hữu tỉ được biểu diễn bởi một số thập phân hữu hạn tuần hoàn hoặc vô hạn tuần hoàn. Ngược lại, mỗi số thập phân hữu hạn tuần hoàn và vô hạn tuần hoàn biểu diễn một số hữu tỉ.

**Ví dụ 1:** Viết các số hữu tỉ dưới dạng phân số:  $0,00(24)$ ;  $0,75$ ;  $1,28$ ;  $0,(12)$ ;  $1,3(4)$

**Hướng dẫn giải:**

Ta có:

**Ví dụ 1:** Viết các số hữu tỉ dưới dạng phân số:  $0,00(24)$ ;  $0,75$ ;  $1,28$ ;  $0,(12)$ ;  $1,3(4)$

**Hướng dẫn giải:**

Ta có:

$$0,00(24) = \frac{1}{100} \cdot 0,(24) = \frac{1}{100} \cdot \frac{24}{99} = \frac{2}{825}$$

$$0,75 = \frac{75}{100} = \frac{3}{4}$$

$$1,28 = \frac{128}{100} = \frac{32}{25}$$

$$\begin{aligned} 1,3(4) &= 1,3 + 0,0(4) = 1,3 + \frac{1}{10} \cdot 0,(4) \\ &= \frac{13}{10} + \frac{1}{10} \cdot \frac{4}{9} = \frac{121}{90} \end{aligned}$$

**Ví dụ 2:** Tìm x biết:  $0,(12) : 1,(6) = x : 0,(3)$

**Hướng dẫn giải:**

$$\frac{12}{99} : 1\frac{6}{9} = x : \frac{3}{9} \text{ hay } \frac{4}{33} : \frac{5}{3} = x : \frac{1}{3}$$

$$\text{Suy ra } x = \frac{4}{33} \cdot \frac{1}{3} \cdot \frac{3}{5} = \frac{4}{165}$$

## B. Bài tập

**Bài 1:** Viết các số hữu tỉ sau dưới dạng số thập phân hữu hạn hoặc vô hạn tuần hoàn:

$$\frac{4}{11}; \frac{5}{12}; \frac{8}{25}; \frac{17}{40} ?$$

**Hướng dẫn giải:**

Ta có:

$$\frac{4}{11} = 4 : 11 = 0,(36); \quad \frac{5}{12} = 5 : 12 = 0,41(6)$$

$$\frac{8}{25} = 8 : 25 = 0,32; \quad \frac{17}{40} = 0,425$$

**Bài 2:** Tính  $[12,(1) - 2,3(6)] : 4(21)$

**Hướng dẫn giải:**

Ta có:

$$12,(1) = 12\frac{1}{9}; 2,3(6) = 2\frac{36-3}{90} = 2\frac{11}{30}; 4(21) = 4\frac{21}{99} = 4\frac{7}{33}$$

$$\text{Khi đó: } [12,(1) - 2,3(6)] : 4(21) = \left(12\frac{1}{9} - 2\frac{33}{90}\right) : 4\frac{7}{33}$$

$$= \left(12\frac{10}{90} - 2\frac{33}{90}\right) : 4\frac{7}{33} = 9\frac{67}{90} : 4\frac{7}{33} = 2\frac{1307}{4170}$$

Bài tập : 65 ,66 ,69,70,71 SGK Toán 7 tập 1 tr34,35

PHẦN II : HÌNH HỌC

CHƯƠNG II

### BÀI 1: TỔNG BA GÓC TRONG MỘT TAM GIÁC

#### A.Lý thuyết :

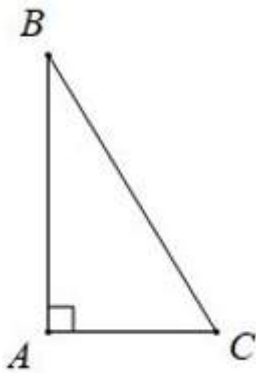
##### 1. Tổng ba góc của một tam giác

Tổng ba góc của một tam giác bằng  $180^\circ$

Với  $\triangle ABC$  ta có  $\angle A + \angle B + \angle C = 180^\circ$

##### 2. Áp dụng vào tam giác vuông

**Định nghĩa:** Tam giác vuông là tam giác có một góc vuông.



**Định lý:** Trong tam giác vuông, hai góc nhọn phụ nhau.

$$\begin{cases} \triangle ABC \\ \hat{A} = 90^\circ \end{cases} \Rightarrow \hat{B} + \hat{C} = 90^\circ$$

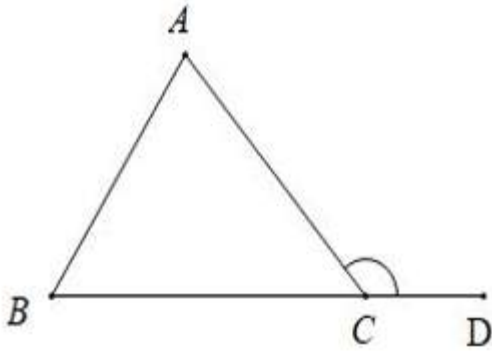
##### 3. Góc ngoài của tam giác

**Định nghĩa:** Góc ngoài của tam giác là góc kề bù với một góc của tam giác.

**Tính chất:**

- Mỗi góc ngoài của tam giác bằng tổng hai góc trong không kề với nó.
- Góc ngoài của tam giác lớn hơn mỗi góc trong không kề với nó.

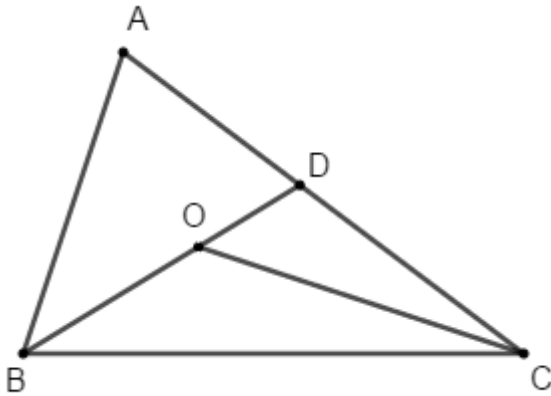
**Ví dụ:** Cho hình vẽ



Ta có:  $\angle ACD = \angle A + \angle B$ ,  $\angle ACD > \angle A$ ,  $\angle ACD > \angle B$

#### 4. Ví dụ

**Ví dụ 1:** Cho điểm O nằm trong tam giác ABC. Chứng minh rằng  $\widehat{BOC} > \widehat{A}$



#### Hướng dẫn giải:

Kéo dài BO cắt AC tại D

Ta có:

$$\widehat{BOC} = \widehat{BDC} + \widehat{DCO} \text{ (vì } \widehat{BOC} \text{ là góc ngoài của } \triangle ODC \text{)}$$

Mặt khác:

$$\widehat{BDC} = \widehat{A} + \widehat{ABD} \text{ (vì } \widehat{BDC} \text{ là góc ngoài của } \triangle ABD \text{)}$$

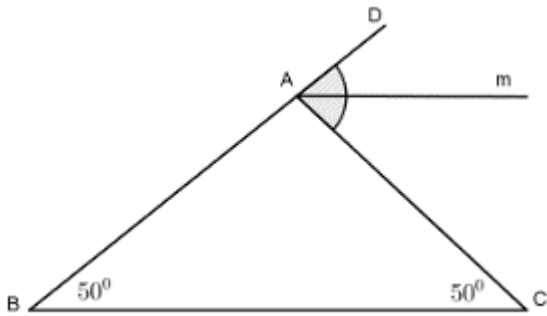
Suy ra:

$$\widehat{BOC} = \widehat{A} + \widehat{ABD} + \widehat{DCO} > \widehat{A}$$

Vậy:  $\widehat{BOC} > \widehat{A}$

**Ví dụ 2:** Cho tam giác ABC có  $\widehat{B} = \widehat{C} = 50^\circ$ . Gọi Am là tia phân giác góc ngoài tại điểm A. Hãy chứng minh rằng  $Am \parallel BC$

**Hướng dẫn giải:**



Gọi  $\widehat{CAD}$  là góc ngoài của tam giác ABC tại điểm A

Ta suy ra  $\widehat{CAD} = \widehat{B} + \widehat{C} = 50^\circ + 50^\circ = 100^\circ$

Am là tia phân giác của góc CAD nên:

$$\widehat{DAm} = \widehat{mAC} = \frac{1}{2} \widehat{CAD} = \frac{1}{2} \cdot 100^\circ = 50^\circ$$

Am và BC tạo với AC hai góc so le trong bằng nhau

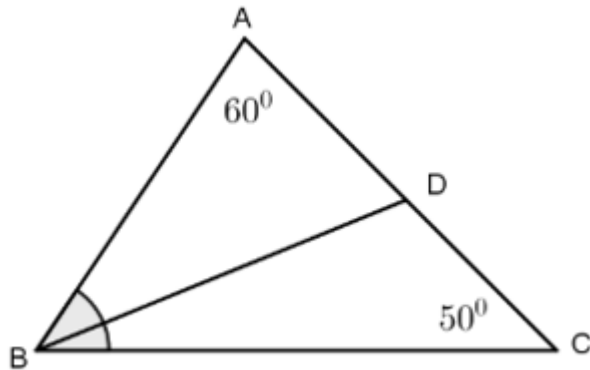
$$\widehat{mAC} = \widehat{C} = 50^\circ$$

Vậy  $Am \parallel BC$

## B. Bài tập

**Bài 1:** Cho tam giác ABC có  $\angle A = 60^\circ$ ,  $\angle C = 50^\circ$ . Tia phân giác góc B cắt AC tại D. Tính  $\angle ADB$ ,  $\angle CDB$

**Hướng dẫn giải:**



Xét tam giác ABC có:

$$\begin{aligned}\widehat{A} + \widehat{B} + \widehat{C} &= 180^\circ \Rightarrow \widehat{B} = 180^\circ - (\widehat{A} + \widehat{C}) \\ &= 180^\circ - (60^\circ + 50^\circ) = 70^\circ\end{aligned}$$

Do BD là tia phân giác của góc B

$$\text{Nên } \widehat{ABD} = \widehat{DBC} = \frac{1}{2} \widehat{B} = \frac{1}{2} \cdot 70^\circ = 35^\circ$$

$$\text{Ta có: } \widehat{ADB} = \widehat{C} + \widehat{DBC} = 50^\circ + 35^\circ = 85^\circ$$

(tính chất góc ngoài tại đỉnh D của tam giác BDC)

$$\widehat{BDC} = \widehat{A} + \widehat{ABD} = 60^\circ + 35^\circ = 95^\circ$$

(tính chất góc ngoài tại đỉnh D của tam giác ABD)

$$\text{Vậy } \widehat{ADB} = 85^\circ; \widehat{BDC} = 95^\circ$$

**Bài 2:** Tìm số đo các góc của tam giác ABC có:  $21\angle A = 14\angle B = 6\angle C$

**Hướng dẫn giải:**

Từ giả thiết:  $21\widehat{A} = 14\widehat{B} = 6\widehat{C}$

$$\text{Suy ra: } \frac{21\widehat{A}}{42} = \frac{14\widehat{B}}{42} = \frac{6\widehat{C}}{42} \Rightarrow \frac{\widehat{A}}{2} = \frac{\widehat{B}}{3} = \frac{\widehat{C}}{7}$$

Áp dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau ta có:

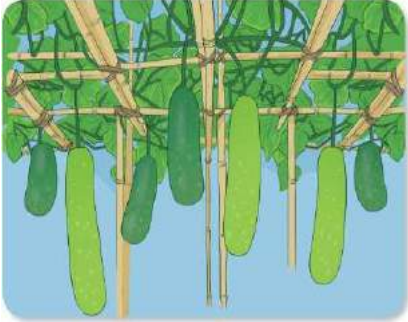

$$\frac{\widehat{A}}{2} = \frac{\widehat{B}}{3} = \frac{\widehat{C}}{7} = \frac{\widehat{A} + \widehat{B} + \widehat{C}}{2 + 3 + 7} = \frac{180^\circ}{12} = 15^\circ$$

$$\text{Khi đó: } \begin{cases} \widehat{A} = 15^\circ \cdot 2 = 30^\circ \\ \widehat{B} = 15^\circ \cdot 3 = 45^\circ \\ \widehat{C} = 15^\circ \cdot 7 = 105^\circ \end{cases}$$

BÀI : 1,2,3,5,6,7 SGK Toán 7 tập trang 107,108,109

CHÚC CÁC EM TỰ HỌC TỐT

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN GDCD 7**  
**(Tuần 8)**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p><b>Chủ đề 2: Thể hiện mối quan hệ với mọi người</b>  <b>Bài 5: Yêu thương con người</b>                      ( tiết 1)</p>	<p>- Khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người.                      - Kể được một số biểu hiện của yêu thương con người trong cuộc sống.</p>
<p><b>I: Giới thiệu bài</b></p>	
<p>Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “<b>Nhìn hình đọc ca dao, tục ngữ</b>”</p>	<div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;">   </div> <p style="text-align: center;"><b>➔ Truyền thống yêu thương con người</b></p>
<p><b>II. Tìm hiểu nội dung bài học</b></p>	
<p><b>Hoạt động 1: Tìm hiểu truyện đọc</b> “Bác Hồ đến thăm người nghèo” HS tự đọc SGK.  <b>Hoạt động 2: Tìm hiểu khái niệm yêu thương con người</b>                      Gv: Yêu cầu HS đọc” Người bạn mới của lớp”  <b>Câu 1</b> Cô giáo cùng các bạn có những tình cảm và việc làm như thế nào dành cho Trà?                      ➔ -Cô giáo cùng các bạn đưa Trà xuống phòng y tế, sau đó, mượn quần áo để bạn thay cho đỡ lạnh.                      - Cả lớp ai cũng thấy thương Trà.                      -Cô giáo chủ nhiệm cùng với lớp trưởng thảo luận đưa ra ý kiến: những bạn đi học bằng xe đạp sẽ thay nhau đến đón Trà.                      Cả lớp đều đồng tình hưởng ứng.  <b>Câu 2:</b> Những tình cảm và việc làm đó đã đem lại cho Trà điều gì?</p>	<p><b>I. Truyện đọc.</b>                      HS tự đọc SGK  <b>II. Nội dung bài học</b></p> <p>Học sinh đọc</p> <p style="text-align: center;"><b>Người bạn mới của lớp</b></p> <p><i>Trà là một học sinh mới chuyển đến lớp 6A1. Trà bé nhỏ, có tật ở chân, nhà lại ở xa trường nên đi học rất khó khăn. Một buổi sáng, mưa như trút, Trà đến lớp trễ hơn 15 phút với bộ quần áo ướt sũng, tay chân run cầm cập. Ngay lập tức, cô giáo cùng các bạn đưa Trà xuống phòng y tế, sau đó, mượn quần áo để bạn thay cho đỡ lạnh. Cả lớp ai cũng thấy thương Trà.</i></p> <p><i>Cô giáo chủ nhiệm cùng với lớp trưởng sau khi thảo luận đã đưa ra ý kiến: Hằng ngày, những bạn đi học bằng xe đạp sẽ thay nhau đến đón Trà. Cả lớp đều đồng tình hưởng ứng rất nhanh.</i></p> <p><i>Cuối năm học, Trà xúc động nói: “Chính tình yêu thương của cô giáo và các bạn đã giúp mình có nghị lực vượt qua hoàn cảnh khó khăn. Cảm ơn tình yêu thương của cô và các bạn thật nhiều.”</i></p>

☞ Trà xúc động nói: “Chính tình yêu thương của các bạn đã giúp mình có nghị lực vượt qua hoàn cảnh khó khăn. Cảm ơn tình yêu thương của các bạn thật nhiều.”

**Câu 3:** Theo em như thế nào là yêu thương con người?

☞ Yêu thương con người là sự quan tâm, giúp đỡ, làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những người gặp khó khăn, hoạn nạn.

GV: Nhận xét – Rút ra kết luận

☞ **1. Yêu thương con người:**

là sự quan tâm, giúp đỡ, làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những người gặp khó khăn, hoạn nạn.

### **Hoạt động 3: Tìm hiểu nội dung: Biểu hiện của yêu thương con người**

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh quan sát tranh.

Em hãy quan sát những hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi:

- Hình ảnh nào ở trên thể hiện tình yêu thương con người và trái với tình yêu thương con người?

- Em có suy nghĩ gì về những việc làm được đề cập đến trong những hình trên?

HS: trả lời tự do

**GV: Nhận xét – rút ra kết luận.**  
**Biểu hiện của yêu thương con người**

*Yêu thương con người được thể hiện ngay ở những lời nói, việc làm và thái độ của mọi con người trong cuộc sống hàng ngày.*



1. Biểu hiện của yêu thương con người: Quan tâm, giúp đỡ thông cảm, sẻ chia, biết tha thứ, biết hi sinh vì người khác, ...

2. Biểu hiện trái với yêu thương con người: Nhỏ nhen, ích kỷ thờ ơ trước những khó khăn và đau khổ của người khác, bao che cho điều xấu, vô cảm, vụ lợi cá nhân, đánh đập, sỉ nhục người khác.

**Giáo viên giới thiệu:** Chú ý phân biệt yêu thương con người với lòng thương hại.

**GV:** Kê lại câu chuyện của bản thân hoặc người xung quanh đã thể hiện lòng yêu thương con người?

**HS:** thực hiện yêu cầu

### **Dặn dò:**

**Sau khi tìm hiểu phiếu học tập HS trả lời các câu hỏi sau:**

Câu 1: Nêu Khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người?

Câu 2: Theo em, hành vi nào sau đây giúp em rèn luyện lòng con người?

- a. Quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, gần gũi những người xung quanh.
- b. Biết ơn người giúp đỡ
- d. Chế giễu người tàn tật.
- e. Chia sẻ, thông cảm.
- g. Tham gia hoạt động từ thiện.

**Đọc qua nhé các bạn!**

**Bỗng chốc mồ côi**



Từ ngày cha mẹ mất, chị em Trường không mở cửa nhà khiến căn nhà càng thêm lạnh lẽo, tối tăm. Hai chị em thường ngồi trên chiếc giường gỗ, ngổn ngang mền gối, sách vở, mì gói; đối diện là chiếc bàn để vài hộp cá, sữa tươi, vitamin C và bàn thờ có hũ cốt của mẹ.

Tuyên cho biết, giữa tháng 7, ba em bị ho, khó thở nhiều ngày liên tiếp và được chuyển đến BV Chợ Rẫy. Ngày 30.7, mẹ và hai chị em cũng dương tính, được đưa đi cách ly, điều trị tại Hóc Môn.

Trong khu cách ly, ba mẹ con được sắp xếp nằm chung một phòng. Mẹ Tuyên nặng nhất, thường phải thở ô xy, hai chị em chỉ bị sốt nhẹ. Ngày 4.8, Trường lay hoài không thấy mẹ trả lời, hai chị em tá hỏa gọi bác sĩ. “Bác sĩ kiểm tra, nói mẹ mất rồi mà em không tin, em sờ tay mẹ lạnh ngắt, tim mẹ ngưng đập nên chỉ biết khóc thối. Mẹ còn chưa ăn hết cái bánh em cho nữa”, Trường nghẹn giọng kể.

Lúc còn ba mẹ em, nhiều khi em muốn nói là con thương ba, con thương mẹ nhưng chưa nói ra được vì cứ thấy nghẹn nghẹn ở cổ họng. Giờ ba mẹ mất rồi, cốt ba được gửi ở chùa nên em chỉ có thể ngồi trước bàn thờ mẹ nói thương mẹ, nhớ mẹ. Mẹ em nấu cơm ngon lắm, giờ em không được ăn cơm mẹ nấu nữa. Em buồn lắm, nhớ ba mẹ lắm. Em có cảm giác mẹ vẫn ở ngay bên em đây, em muốn mẹ ôm em nhưng không được”, các ngón tay đan chặt vào nhau, em cúi đầu xuống gối rưng rức khóc.

Ông Trần Khoa Tuấn (anh cùng cha khác mẹ với chị em Trường, ngụ Q.6) cho biết, hiện đang trong thời gian **giãn cách xã hội** nên ông không thể chạy qua thăm hai chị em mà chỉ liên lạc qua điện thoại. “Tôi đã gọi cô giáo chủ nhiệm lớp 5/9 của trường Tiểu học An Lạc 2 hỏi thăm tình hình, chuẩn bị cho năm học mới của em trai. Còn bé lớn tôi sẽ ráng thu xếp để bé được đi học nghề uốn tóc mà bé yêu thích, thương nhất lúc này là sự thiếu thốn tình cảm cha mẹ. Cha và dì tôi đi quá đột ngột”, ông Tuấn nói.

Ông Nguyễn Văn Hiệp, Chủ tịch UBND P.An Lạc A cũng chia sẻ, địa phương biết hoàn cảnh của chị em Trường nên đã mua tập sách năm học mới mang đến nhà.

Trích “Theo Báo Thanh niên”





**thương hại.**

**Lòng yêu thương:**

- Xuất phát từ tấm lòng vô tư trong sáng.
- Nâng cao giá trị con người

**Thương hại:**

- Động cơ vụ lợi cá nhân
- Hạ thấp giá trị con người.

**\*Trái với yêu thương là gì? Hậu quả của nó?**

- + Căm ghét, căm thù, gạt bỏ.
- + Con người sống với nhau mâu thuẫn, luôn thù hận

**GV:** Đặt câu hỏi

Trong cuộc sống có phải lúc nào chúng ta cũng yêu thương và yêu thương với tất cả mọi người?

**HS:** trả lời

**GV:** Nhận xét – rút ra kết luận

**⇒ Không. Vì**

Đối với giặc ngoại xâm

Đối với những người xấu( thực hiện những hành vi gây nguy hiểm cho xã hội).

Yêu thương con người không có nghĩa là chúng ta yêu thương và yêu thương tất cả

mọi người, phải biết phân biệt đúng sai, tốt xấu. Tránh để lòng thương người bị người Khác lợi dụng.

**III: Luyện tập, củng cố**

### **Tình huống 1:**

Hai bài kiểm tra một tiết trong buổi học chiều nay làm Minh vô cùng căng thẳng, về đến nhà, Minh muốn đi chơi với các bạn nhưng thấy mẹ đang tất bật nấu cơm; bố đi làm về với gương mặt mệt mỏi. Minh không biết phải làm sao?

### **Tình huống 2:**

Hôm qua, Bình phát hiện gia đình Giang có hoàn cảnh rất khó khăn: bố Giang mất sớm, mẹ bị tai nạn phải nằm một chỗ. Giang và mẹ ở cùng với bà ngoại cũng đã già yếu. Bình rất xúc động và băn khoăn.

### **Tình huống 3:**

Hôm kia, Bảo đã thống nhất với bố mẹ sẽ quyên góp ủng hộ các gia đình bị thiệt hại bởi lũ lụt một số tiền. Sáng nay, Thảo và Quyền rủ Bảo chơi điện tử ở tiệm game mới mở. Bảo không biết phải làm sao?

#### **Câu hỏi thảo luận:**

1. Nếu là các bạn Minh, Bình, Bảo em sẽ làm gì?
2. Em có thể làm gì để thể hiện tình yêu thương con người (Đối với người thân trong gia đình, đối với bạn bè, đối với cộng đồng xã hội)?

### **III. Luyện tập**

- 1.\*Nếu là các bạn Minh, Bình, Bảo em sẽ làm:
  - Minh: Em sẽ phụ bố mẹ trước, xong công việc e mới xin bố mẹ đi chơi với bạn.
  - Bình: Em sẽ vận động các bạn trong lớp cùng nhau chung tay giúp đỡ bạn Giang.
  - Bảo: Em sẽ từ chối lời mời của bạn Thảo và Quyền để dành số tiền đó cùng với bố mẹ ủng hộ cho các đồng bào ở vùng thiên tai lũ lụt.
2. *Em có thể làm gì để thể hiện tình yêu thương con người (đối với người thân trong gia đình, đối với bạn bè, đối với cộng đồng xã hội): em sẽ cố gắng học tập thật tốt để phụ giúp bố mẹ và sau này có thể giúp cho nước nhà, vâng lời thầy cô và bố mẹ, giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn trong lớp, giảng lại bài cho những bạn chưa hiểu...*

### **Dặn dò:**

Sau khi tìm hiểu phiếu học tập HS trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Ý nghĩa của tình yêu thương con người?

Câu 2:

**Bài tập a:** Em hãy nhận xét từng nhân vật nêu trong các tình huống sau đây:

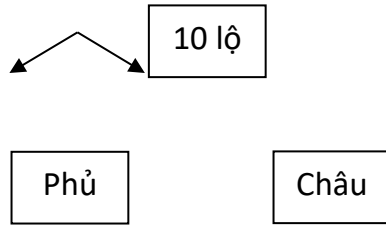
- Mẹ bạn Hải không may bị ốm, Nam biết tin đã rủ một số bạn cùng lớp đến thăm hỏi, chăm sóc mẹ bạn Hải.
- Bé Thúy ở nhà một mình, chẳng may bị ngã. Long đi học về qua, thấy vậy đã băng bó vết thương ở tay cho Thúy và mời thầy thuốc đến khám cho em.
- Vân bị ốm phải xin phép nghỉ học ở nhà hơn một tuần. Chi đội 7A của Toàn chép và giảng bài cho Vân sau mỗi buổi học, nhưng Toàn không đồng ý với lí do Vân không phải là bạn thân của Toàn.
- Trung hỏi vay tiền của Hồng để mua thuốc lá hút, Hồng không cho Trung vay mà còn khuyên Trung không nên hút thuốc lá.

**Bài tập b:** Tìm những câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn nói về tình thương yêu của con người đối với con người.

**Bài tập c:** Em hãy kể những tấm gương ( trong lớp, trong trường hoặc nơi em ở) đã giúp đỡ người khác trong đời sống, trong học tập thể hiện truyền thống : “lá lành đùm lá rách” của dân tộc ta.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC  
Môn: LỊCH SỬ 7 - TUẦN 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<b>BÀI 9: NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI ĐÌNH-TIỀN LÊ</b>	
<b>Hoạt động 1:</b> <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<p><b>A. HỌC SINH ĐỌC TÀI LIỆU VÀ THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU</b> Học sinh đọc SGK nội dung bài 9 , và trả lời các câu hỏi cuối mỗi mục.</p> <p><b>B. NỘI DUNG BÀI HỌC</b></p> <p><b>I. Tình hình chính trị, quân sự</b></p> <p><b>1. Nhà Đinh xây dựng đất nước</b> -Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng) lấy niên hiệu Thái Bình. -Đặt tên nước là Đại Cồ Việt và đóng đô ở Hoa Lư. -Phong vương cho các con. -Cắt cử quan lại -Dựng cung điện, đúc tiền, xử phạt nghiêm kẻ phạm tội. → Ổn định đời sống xã hội</p> <p><b>2. Tổ chức chính quyền thời Tiền Lê</b></p> <p><b>a) Sự thành lập nhà Tiền Lê.</b> -Năm 979, Đinh Bộ Lĩnh bị giết → nội bộ lục đục -Nhà Tống lăm le xâm lược → Lê Hoàn được suy tôn lên làm vua.</p> <p><b>b) Tổ chức chính quyền:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Trung ương</b> <pre>graph TD;   Vua[Vua] --&gt; TaiS[Thái sư, Đại sư];   TaiS --- QuanVan[Quan văn];   TaiS --- QuanVo[Quan võ];</pre></li><li>• <b>Địa phương</b></li></ul>



**c) Quân đội:** 2 bộ phận

- Cấm quân.
- Quân địa phương.

**3. Cuộc kháng chiến chống quân Tống của Lê Hoàn**

**a) Hoàn cảnh:**

- Nhà Đinh rối loạn Nhà Tống đem quân xâm lược.

**b) Diễn biến.**

- Năm 981 quân Tống xâm lược nước ta bằng 2 đường thủy và bộ.
- Lê Hoàn trực tiếp chỉ huy cuộc kháng chiến

**c) Kết quả:**

- Tướng giặc Hầu Nhân Bảo bị giết.
- Cuộc kháng chiến thắng lợi

**d) Ý nghĩa:**

- Khẳng định quyền làm chủ đất nước.
- Đánh bại âm mưu xâm lược quân Tống.

**II. Sự phát triển kinh tế và văn hóa**

**1. Bước đầu xây dựng nền kinh tế tự chủ**

**a. Nông nghiệp:**

- Nhân dân được chia ruộng để cày cấy, nộp thuế, đi lính và lao dịch cho nhà vua.
- Khai khẩn đất hoang, đào vét kênh mương được chú trọng.
- Vua tổ chức lễ cày tịch điền nên nông nghiệp được ổn định và bước đầu phát triển.
- Khuyến khích trồng dâu nuôi tằm ... nhiều năm được mùa.

**b. Thủ công nghiệp:**

- - Đúc tiền đồng để lưu thông trong nước.

**2. Đời sống xã hội và văn hóa:( HS tự học)**

**Hoạt động 2:**  
*Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.*

**1.Đình Tiên Hoàng lên ngôi vua đặt tên nước là gì? Đóng đô ở đâu?**

- |                         |                          |
|-------------------------|--------------------------|
| a. Đại Việt. Ở Hoa Lư   | b. Đại Cồ Việt. Ở Hoa Lư |
| c. Đại Cồ Việt.Ở Cổ Loa | d. Đại Việt.Ở Đại La     |

**2. Khi Lê Hoàn lên ngôi vua, nước ta phải đối phó với bọn xâm lược nào?**

- a. Nhà Minh ở Trung Quốc      b. Nhà Hán ở Trung Quốc  
c. Nhà Đường ở Trung Quốc      d. Nhà Tống ở Trung Quốc

**3. Lê Hoàn lên ngôi vua vào năm nào? Đặt niên hiệu là gì?**

- a. Năm 980. Niên hiệu Thái Bình  
b. Năm 970. Niên hiệu Hưng Thống  
c. Năm 980. Niên hiệu Thiên Phúc.  
d. Năm 981. Niên hiệu Ứng Thiên

**4. Thời kì Tiền Lê có mấy đời vua? Vị vua nào tồn tại lâu nhất?**

- a. 4 đời vua. Lê Long Đĩnh lâu nhất  
b. 3 đời vua. Lê Đại Hành lâu nhất  
c. 2 đời vua. Lê Long Việt lâu nhất  
d. 3 đời vua. Lê Long Việt lâu nhất

**DẶN DÒ**

- HS đọc trước bài 10 SGK trang 35.

**Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Sử		1. 2. 3.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC  
Môn: LỊCH SỬ 7 - TUẦN 9

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<b>BÀI 10: NHÀ LÝ ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC</b>	

<b>Hoạt động 1:</b> <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	<p><b>A. HỌC SINH ĐỌC TÀI LIỆU VÀ THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU</b> Học sinh đọc SGK nội dung bài 10 , và trả lời các câu hỏi cuối mỗi mục.</p> <p><b>B. NỘI DUNG BÀI HỌC</b></p> <p><b>1. Sự thành lập nhà Lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Năm 1009, Lê Long Đĩnh mất -&gt; nhà Tiền Lê chấm dứt.</li><li>- Lý Công Uẩn được tôn lên làm vua. Nhà Lý thành lập.</li><li>- Năm 1010, Lý Công Uẩn quyết định đô về Đại La, đổi tên là Thăng Long.</li><li>- Năm 1054, đổi tên nước là Đại Việt.</li></ul> <p>*Tổ chức bộ máy nhà nước:</p> <pre>graph TD; VUA[VUA] --&gt; QDT[QUAN ĐẠI THẦN]; QDT --&gt; QV[QUAN VĂN]; QDT --&gt; QV[QUAN VÕ]; QDT --&gt; LP[24 LỘ, PHỦ]; LP --&gt; HUY[HUYỆN]; HUY --&gt; HX1[HƯƠNG XÃ]; HUY --&gt; HX2[HƯƠNG XÃ];</pre>
--	--

	<p><b>2. Luật pháp và quân đội</b></p> <p><b>a) Luật pháp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 1042, Nhà Lý ban hành bộ Hình thư.</li> </ul> <p><b>b) Quân đội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gồm 2 bộ phận: cấm quân và quân địa phương.</li> <li>- Thi hành chính sách “Ngụ binh ư nông”</li> <li>- Quân đội gồm quân bộ và quân thủy.</li> <li>- Huấn luyện chu đáo, kỉ luật nghiêm.</li> </ul> <p><b>c. Chính sách đối nội, đối ngoại:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Củng cố khối đoàn kết dân tộc.</li> <li>- Đặt quan hệ bình thường với nhà Tống, Cham-pa.</li> </ul>
<p><b>Hoạt động 2:</b> <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></p>	<p><b>Câu 1: Lý Công Uẩn lên ngôi vua lập ra nhà Lý vào năm nào?</b></p> <p>A. Năm 1054 B. Năm 1009 C. Năm 1010 D. Năm 1042</p> <p><b>Câu 2: Dưới thời nhà Lý , đến năm 1054, tên nước ta là gì?</b></p> <p>A. Đại Việt B. Năm 1009 C. Đại Nam D. Việt Nam</p> <p><b>Câu 3: Nhà Lý chia nước ra bao nhiêu lộ, phủ?</b></p> <p>A. 24 lộ, phủ                      B. 22 lộ, phủ C. 40 lộ, phủ                      D. 42 lộ, phủ</p> <p><b>DẶN DÒ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc trước bài 11 SGK trang 38.</li> </ul>

**Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

<b>Môn học</b>	<b>Nội dung học tập</b>	<b>Câu hỏi của học sinh</b>
Sử		1. 2. 3.



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7  
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ  
TRẦN QUỐC TUẤN

## ÔN TẬP

Môn: Tin học 7

Tuần 8

**TRẮC NGHIỆM.** Em hãy chọn câu trả lời đúng:

**Câu 1:** Trên trang tính, muốn nhập dữ liệu vào ô tính, đầu tiên ta thực hiện thao tác:

- A. nháy chuột chọn hàng cần nhập.
- B. nháy chuột chọn cột cần nhập.
- C. nháy chuột chọn khối ô cần nhập.
- D. nháy chuột chọn ô cần nhập.**

**Câu 2:** Trên trang tính, sau khi gõ dữ liệu từ bàn phím xong, ta nhấn phím:

- A. Enter**    B. Shift
- C. Alt    D. Capslock

**Câu 3:** Trên trang tính, các ký tự chữ cái A,B,C,...được gọi là:

- A. tên hàng.    B. tên ô.
- C. tên cột.**    D. tên khối

**Câu 4:** Trên trang tính, dãy số thứ tự 1,2,3,...được gọi là:

- A. tên khối.    B. tên ô.
- C. tên cột.    **D. tên hàng.**

**Câu 5:** Các thành phần chính trên trang tính gồm có:

- A. Hộp tên, Khối, các ô tính.
- B. Hộp tên, Khối, các hàng.
- C. Hộp tên, thanh công thức, các cột.
- D. Hộp tên, Khối, Thanh công thức.**

**Câu 6:** Trên trang tính, hộp tên hiển thị D6 cho ta biết:

- A. địa chỉ của ô tại cột 6 hàng D.
- B. địa chỉ của ô tại cột D hàng 6.**

C. địa chỉ của ô tại hàng D đến hàng 6.

D. địa chỉ của ô từ cột D đến cột 6.

**Câu 7:** Trên trang tính, một nhóm các ô liên kề nhau tạo thành hình chữ nhật gọi là:

A. ô liên kết.

B. các ô cùng hàng.

C. khối ô.

D. các ô cùng cột.

**Câu 8:** Trong chương trình bảng tính, người ta viết C3:D5 có nghĩa là:

A. các ô từ ô C1 đến ô C3.

B. các ô từ ô D1 đến ô D5.

C. các ô từ hàng C3 đến hàng D5.

D. các ô từ ô C3 đến ô D5.

**Câu 9:** Trong chương trình bảng tính, ký hiệu khối ô từ ô D2 đến ô F6, ta viết:

A. D2:F6    B. F6:D2

C. D2..F6    D. F6..D2

**Câu 10:** Trong chương trình bảng tính, thanh công thức cho biết:

A. địa chỉ của ô được chọn.

B. khối ô được chọn.

C. hàng hoặc cột được chọn.

D. dữ liệu hoặc công thức của ô được chọn.

**Câu 11:** Trong chương trình bảng tính, các kiểu dữ liệu cơ bản gồm:

A. kiểu số.

B. kiểu ngày.

C. kiểu thời trang.

D. kiểu số và kiểu kí tự.

**Câu 12:** Trong Excel, Các kí hiệu dùng để kí hiệu các phép toán

A. + - . :

B. + - \* /

C. ^ / : x

D. + - ^ \

**Câu 13:** Thông thường trong Excel, dấu phẩy (,) được dùng để phân cách hàng nghìn, hàng triệu..., dấu chấm (.) để phân cách phần nguyên và phần thập phân.

**A. Đúng**

**B. Sai**

**Câu 14:** Khi gõ công thức vào một ô, kí tự đầu tiên phải là:

**A. Ô đầu tiên tham chiếu tới**

**B. Dấu ngoặc đơn**

**C. Dấu nháy**

**D. Dấu bằng**

**Câu 15:** Giả sử cần tính tổng giá trị của các ô B2 và E4, sau đó nhân với giá trị trong ô C2. Công thức nào trong số các công thức sau đây là đúng:

**A. =(E4+B2)\*C2**

**B. (E4+B2)\*C2**

**C. =C2(E4+B2)**

**D. (E4+B2)C2**

**Câu 16:** Ở một ô tính có công thức sau:  $=((E5+F7)/C2)*A1$  với  $E5 = 2$ ,  $F7 = 8$ ,  $C2 = 2$ ,  $A1 = 30$  thì kết quả trong ô tính đó sẽ là:


**A. 10**

**B. 150**

**C. 200**

**D. 120**

Học sinh nhập đáp án lên bảng tính và nhấn enter để xem đáp án:



Em hãy ghi lại công thức tương ứng để nhập vào Excel

Công thức toán học	Công thức Excel
$100 : 2 + 5$	<b>100/2+5</b>
$2^4 - 2^2 \cdot 2$	
$[(5^2 \cdot 2 - 4) + 4] : 2$	
$5\% + 25\%$	
$(10+3) \cdot (2 \cdot 10 - 1)$	

**Câu 17:** Nếu trong 1 ô tính có các ký hiệu #####, điều đó có nghĩa là?

- A. Công thức nhập sai và bảng tính thông báo lỗi
- B. Dòng chứa ô đó có độ cao thấp nên không hiển thị hết chữ số
- C. Ô tính đó có độ rộng hẹp nên không hiển thị hết chữ số**
- D. Nhập sai dữ liệu.

**Câu 18:** Hàm AVERAGE là hàm dùng để:

- A. Tính tổng
- B. Tìm số nhỏ nhất
- C. Tìm số trung bình cộng**
- D. Tìm số lớn nhất

**Câu 19:** Kết quả của hàm sau: =SUM(A1:A3), trong đó: A1= 5; A2=39; A3=52

- A. 96**
- B. 89
- C. 95

D. d.Không thực hiện được

**Câu 20:** Kết quả của hàm sau: =AVERAGE(A1:A4), trong đó: A1=16; A2=29; A3=24 ; A4=15

- A. 23**

**B. 21**

C. 20

D. Không thực hiện được

**Câu 21:** Kết quả của hàm sau : =MAX(A1,A5), trong đó: A1=5, A2=8; A3=9; A4=10; A5=2

A. 2

**B. 10**

C. 5

D. 34

**Câu 22:** Kết quả của hàm =Average(3,8,10) là:

A. 21

**B. 7**

C. 10

D. 3

**Câu 23:** Để tính giá trị trung bình của ô A1, B1, C1 các cách tính nào sau đây là đúng:

A. =Sum ( A1+B1+C1)

**B. =Average(A1,B1,C1)**

C. =Average (A1,B1,C1)

D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 24:** Cho hàm =Sum(A5:A10) để thực hiện?

A. Tính tổng của ô A5 và ô A10

B. Tìm giá trị lớn nhất của ô A5 và ô A10

**C. Tính tổng từ ô A5 đến ô A10**

D. Tìm giá trị nhỏ nhất từ ô A5 đến ô A10

**Câu 25:** Trong Excel, giả sử một ô tính được nhập nội dung:

=SUM(1,2)+MAX(3,4)+MIN(5,6) Vậy kết quả của ô tính là bao nhiêu sau khi ấn phím Enter?

A. 11

**B. 12**

C. 13

**CHỦ ĐỀ: NGÀNH GIUN ĐỐT**

**PHẦN LÝ THUYẾT**

NỘI DUNG HS TÌM HIỂU	BÀI HỌC
<p><b>I. Giun đũa</b>                      HS đọc thông tin phần I, II SGK/53,54; quan sát hình 15.1,15.2,15.3 → nơi sống, hình dạng ngoài, di chuyển</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div data-bbox="162 678 483 892"> </div> <div data-bbox="620 646 760 892"> </div> </div> <p><i>Hình 15.1. Giun đũa</i>                      Cơ thể dài, gồm nhiều đốt. Phần đầu (1) có miệng, thành cơ phát triển và dài sinh dục (2) chiếm 3 đốt. Hậu môn ở phía đuôi (3).</p> <p><i>Hình 15.2. Độc điem cấu tạo ngoài</i>                      Cấu tạo ngoài ở phần đầu cơ thể gồm: Vòng tơ ở xung quanh mỗi đốt (1); Lỗ sinh dục cái (2) ở mặt bụng dài sinh dục (4); Lỗ sinh dục đực (3) ở dưới lỗ sinh dục cái.</p> <p>HS đọc thông tin phần III SGK/54 quan sát hình 13.2 → dinh dưỡng</p> <p>HS đọc thông tin phần IV SGK/54, 55 → trả lời câu hỏi: cơ quan sinh sản và vòng đời giun đất như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc phần "em có biết" – SGK/55</li> </ul> <p><b>II. Một số giun đốt khác</b>                      HS nghiên cứu SGK và quan sát hình 17.1, 17.2, 17.3, trang 59. Hoàn thành mục ▽ trang 51 SGK. → bộ phận kí sinh và biện pháp phòng tránh ?</p>	<p><b>I. Giun đất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ thể đối xứng hai bên, có khoang cơ thể chính thức.</li> <li>- Cơ thể dài, phân đốt, mỗi đốt có vòng tơ (chi bên).</li> <li>- Di chuyển: Nhờ sự chun giãn cơ thể kết hợp với các vòng tơ mà giun đất di chuyển được</li> <li>- Có cơ quan tiêu hóa phân hóa, hô hấp qua da</li> <li>- Giun đất lưỡng tính. Khi sinh sản chúng ghép đôi, trứng được thụ tinh phát triển trong kén tạo thành giun non</li> </ul> <p><b>II. Một số giun đốt khác</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giun đờ:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sống thành búi ở cống rãnh</li> <li>- Thân phân đốt, uốn sóng để hô hấp</li> </ul> </li> <li>2. Đũa:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kí sinh ngoài</li> <li>- Có nhiều giác bám và ruột rất phát triển</li> </ul> </li> <li>3. Rươi:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ở nước lợ</li> <li>- .phân đốt, chi bên có tơ phát triển</li> </ul> </li> </ol>



Hình 17.1. Giun đỏ

Giun đỏ thường sống thành búi ở cống rãnh. Đầu cắm xuống bùn. Thân phân đốt, luôn uốn sóng để hô hấp. Chúng thường được khai thác để nuôi cá cảnh.



Hình 17.2. Đũa

Đũa sống kí sinh ngoài. Có giác bám (1,2) và nhiều ruột tịt để hút và chứa máu hút từ vật chủ. Đũa bơi kiểu lượn sóng.



Hình 17.3. Rươi

Rươi sống ở môi trường nước lợ. Cơ thể phân đốt và chỉ bên có tơ phát triển. Đầu có mắt, khứu giác và xúc giác. Rươi là thức ăn của cá và người.



\*HS đọc thông tin mục “ Em có biết ” trang 41 SGK

**PHẦN BÀI TẬP:** Em vận dụng lý thuyết, nghiên cứu SGK/61 làm phiếu học tập dưới đây:

### PHIẾU HỌC TẬP 1

1. Hãy kể thêm tên một số giun đốt khác mà em biết ?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

2. Vai trò thực tiễn của Giun đốt gặp ở địa phương em?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....



# Ngành thân mềm

## Bài 18: Trai sông

### A. Lý thuyết

#### I. Hình dạng, cấu tạo

##### 1. Vỏ trai

- Gồm 2 mảnh vỏ gắn với nhau nhờ bản lề
- Sự đóng, mở vỏ nhờ dây chằng có tính đàn hồi và 2 cơ khép vỏ
- Vỏ trai có 3 lớp: lớp sừng, lớp đá vôi, lớp xà cừ

##### 2. Cơ thể trai

- Gồm:
  - Áo trai và khoang áo
  - 2 tấm mang
  - Trung tâm cơ thể: thân và chân trai

#### II. Di chuyển

- Trai sông di chuyển nhờ kết hợp của 2 động tác:
  - Đóng, mở vỏ
  - Chân trai thò ra rồi thụt vào

#### III. Dinh dưỡng

- Hút và thoát nước nhờ 2 vạt áo gắn tạm, 2 đôi tấm miệng phủ đầy lông rung động

#### IV. Sinh sản

- Cơ thể phân tính
- Thụ tinh ở tấm mang và phát triển trong mang
- Trai con thời kì đầu kí sinh trên da và mang cá

## B. BÀI TẬP VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI

**Câu 1:** Trai tự vệ bằng cách nào? Cấu tạo nào của trai đảm bảo cách tự vệ đó có hiệu quả?

- => **Xem hướng dẫn giải:** Khi gặp nguy hiểm, trai co chân, khép vỏ để bảo vệ phần mềm bên trong.
- Sự đóng, mở vỏ nhờ dây chằng ở bản lề có tính đàn hồi và 2 cơ khép vỏ

**Câu 2:** Cách dinh dưỡng của trai có ý nghĩa như thế nào với môi trường nước?

- => **Xem hướng dẫn giải:** Cách dinh dưỡng theo kiểu hút nước để lọc lấy vụn hữu cơ, động vật nguyên sinh, các động vật nhỏ khác có tác dụng lọc sạch môi trường nước.
- Ở những vùng nước ô nhiễm, người ăn trai (sò cũng vậy) - Vì bị ngộ độc vì khi lọc nước lấy thức ăn chúng cũng giữ lại nhiều chất độc trong cơ thể.

# **Bài 19: Một số Thân mềm khác**

## A. Lý thuyết

### I. Một số đại diện

- Mực, bạch tuộc sống ở biển, bơi lội tự do
- Sò sống vùi mình trong cát
- Ốc sên sống trên cạn, ăn thực vật và có hại cho cây trồng
- Ốc vặn sống trong ao hồ, ruộng

### II. Một số tập tính ở Thân mềm

Thân mềm có hệ thần kinh phát triển hơn Giun đũa, hạch não phát triển là cơ sở cho các giác quan và tập tính phát triển

#### 1. Tập tính đẻ trứng ở ốc sên

- Ốc sên đào lỗ để đẻ trứng

## 2. Tập tính ở mực

- Bắt mồi và đưa vào miệng bằng tua miệng
- Phun hỏa mù từ túi mực khi bị tấn công

## B. BÀI TẬP VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI

Em thường gặp ốc sên ở đâu? Khi bò ốc sên để lại dấu vết trên lá như thế nào?

=> [Xem hướng dẫn giải](#)

- Ốc sên thường sống ở nơi cây cối rậm rạp, ẩm ướt, cũng có khi gặp ốc sên ở độ cao trên 1000m so với mặt nước biển.
- Khi bò, ốc sên tiết ra chất nhòn làm giảm ma sát. Khi khô, chất nhòn đó tạo nên vết màu trắng trên lá cây.